

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

.....☉☪.....



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG
TY TNHH GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN**

Sinh viên thực hiện	: Lê Thị Hồng Thắm
Lớp	: Kế Toán B – K35
Giáo viên hướng dẫn	: ThS. Lê Nữ Như Ngọc

BÌNH ĐỊNH-05 - 2016

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên sinh viên thực hiện: **Lê Thị Hồng Thắm**

Lớp: **Kế toán_K35B**. Khóa: **35**

Tên đề tài: **HOÀN THIÊN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN**

Tính chất đề tài

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:.....

2. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:.....

- Cơ sở số liệu:.....

- Phương pháp giải quyết các vấn đề:.....

3. Hình thức của báo cáo:

- Hình thức trình bày:.....

- Kết cấu của báo cáo:.....

4. Những nhận xét khác:.....

II. Đánh giá cho điểm:

- Tiến trình làm đề tài:

- Nội dung đề tài:

- Hình thức đề tài:

Tổng cộng:

Ngày ... tháng ... năm 2016

Giáo viên hướng dẫn

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

Họ và tên sinh viên thực hiện: **Lê Thị Hồng Thắm**

Lớp: **Kế toán_K35B**. Khóa: **35**

Tên đề tài: **HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN**

Tính chất của đề tài:

.....
.....

I. Nội dung nhận xét:

.....
.....
.....

II. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày:.....
- Kết cấu của đề tài:.....

III. Những nhận xét khác:

.....
.....

IV. Đánh giá cho điểm:

- Nội dung đề tài:.....
- Hình thức đề tài:

Tổng cộng:

Ngày ... tháng ... năm 2016

Giáo viên phản biện

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	BH & CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
2	BHYT	Bảo hiểm y tế
3	BHXH	Bảo hiểm xã hội
4	BPB TL_TL	Bảng phân bổ tiền lương và trích lương
5	BTTL	Bảng thanh toán lương
6	BKH	Bảng khấu hao
7	CCDC	Công cụ dụng cụ
8	CNV	Công nhân viên
9	CK	Cuối kỳ
10	DN	Doanh nghiệp
11	HAQN	Hoàng Anh Quy Nhơn
12	KCS	Kiểm hàng
13	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
14	GTDDĐK	Giá trị dở dang đầu kỳ
15	GTDDCK	Giá trị dở dang cuối kỳ
16	NCTT	Nhân công trực tiếp
17	NVL	Nguyên vật liệu
18	NVL TT	Nguyên vật liệu trực tiếp
19	NTGS	Ngày tháng ghi sổ
20	PS	Phát sinh
21	PKC	Phiếu kết chuyển
22	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
23	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
24	TSCĐ	Tài sản cố định
25	SX	Sản xuất
26	SXKD	Sản xuất kinh doanh
27	SH	Số hiệu
28	KD	Kinh doanh
29	TK	Tài khoản
30	VNĐ	Việt Nam đồng
31	SXKD	Sản xuất kinh doanh

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Sự chuyển đổi nền kinh tế tập trung quan lưu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, và sự hoà nhập vào sự phát triển của nền kinh tế thế giới là một tất yếu khách quan. Tuy nhiên mới trải qua một thời gian ngắn mà các công ty nước ta vượt tiến đáng kể về nền kinh tế xã hội nói chung và con người nói riêng. Cũng như sự thay thế tất yếu khách quan của nền kinh tế góp phần cho sự phát triển ổn định xã hội và từng bước phát triển.

Kế toán là một trong những công việc quản lý kinh tế quan trọng cho công tác quản lý kinh tế ngày càng hoàn thiện để phục vụ cho công tác kế toán thì kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là đối tượng không thể thiếu được trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện hiện nay kinh tế thị trường đòi hỏi đòi hỏi các công ty phải cạnh tranh nhau vì lợi ích cuối cùng là lợi nhuận cho mình.

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành trong công ty, nên em đã đi sâu tìm hiểu và chọn đề tài: ***“Hoàn thiện Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Gõ Hoàng Anh Quy Nhơn”*** làm Khóa luận Tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Mỗi công ty phải làm sao ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành đến mức có thể chấp nhận, muốn giảm được giá thành thì phải xác định được giá thành của công ty để kịp thời đưa ra quyết định kinh doanh mà còn xác định đúng đắn hiệu quả kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ kinh doanh. Đó có thể đi đến quyết định có nên kinh doanh sản phẩm này hay không và kinh doanh như thế nào cho hợp lý. Vì vậy, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một khâu then chốt không thể thiếu trong quá trình kinh doanh.

3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nguyên cứu: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất.
- Phạm vi nguyên cứu: Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong thời gian từ 01/2016 đến 05/2016 tại ***Công ty TNHH Gõ Hoàng Anh Quy Nhơn***.

4. Phương pháp nguyên cứu

Phương pháp nguyên cứu được thực hiện trong đề tài này là:

- Tham quan xưởng sản xuất và các phòng ban trong công ty.
- Quan sát hoạt động của bộ máy kế toán, trình tự luân chuyển chứng từ và cách thức ghi sổ chi tiết và sổ cái.
- Tham khảo ý kiến của giáo viên hướng dẫn và kinh nghiệm của anh chị kế toán.
- Trao đổi trực tiếp với anh chị bộ phận sản xuất, phòng kế hoạch đầu tư, phòng kế toán về quy trình sản xuất, phương pháp hạch toán các khoản mục chi phí, tập hợp chi phí sản xuất và cách tính giá thành cho sản phẩm.

5. Dự kiến đóng góp của đề tài

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- Nguyên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận khóa luận với kết cấu gồm ba phần chính:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

Chương 3: Một số nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất của ngành sản xuất công nghiệp.

Sản phẩm gồm nhiều chi tiết bộ phận khác nhau, mỗi chi tiết bộ phận của sản phẩm có quy trình công nghệ riêng, sử dụng một loại nguyên liệu, vật liệu riêng và được tiến hành ở các bộ phận sản xuất khác nhau, sau đó lắp ráp theo tỷ lệ nhất định để tạo ra thành phẩm, tổ chức sản xuất thường là đơn chiếc hoặc hàng loạt, chu kỳ sản xuất dài khối lượng sản phẩm làm dở dang nhiều mà biến động lớn. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí là từng phân xưởng hoặc từng công đoạn sản xuất, còn công đoạn tính giá thành có thể là từng chi tiết, bộ phận sản phẩm, hàng loạt hoặc từng đơn đặt hàng.

1.2. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất

1.2.1. Khái niệm

Chi phí sản xuất là toàn bộ hao phí lao động vật hóa, lao động sống và các chi phí khác được biểu hiện bằng tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành các hoạt động sản xuất trong một thời kỳ.

1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất

➤ Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất kinh tế của chi phí

Căn cứ vào tính chất kinh tế của chi phí sản xuất để sắp xếp những chi phí có chung tính chất kinh tế (nguồn gốc kinh tế ban đầu giống nhau) vào một loại (yếu tố) chi phí, không phân biệt chi phí đó phát sinh ở đâu và dùng vào mục đích gì. Theo cách phân loại này toàn bộ chi phí sản xuất chia thành các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị các loại nguyên liệu, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản.
- Chi phí nhân công: là toàn bộ số tiền lương, tiền công phải trả, các khoản tiền trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân và nhân viên hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là toàn bộ số tiền trích khấu hao tài sản cố định sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp chi trả về các dịch vụ mua từ bên ngoài: Tiền điện, tiền nước, tiền bưu phí điện thoại... phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.
- Chi phí khác bằng tiền: Bao gồm toàn bộ chi phí khác dùng cho hoạt động sản xuất ngoài 4 yếu tố trên như chi phí tiếp khách,..

Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất kinh tế có tác dụng quản lý chi phí sản xuất, phân tích đánh giá tình hình thực hiện, dự toán chi phí sản xuất, đồng thời là căn cứ để lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố ở bản thuyết minh báo cáo tài chính, cung cấp tài liệu tham khảo để lập dự toán chi phí sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động cho kỳ sau, cung cấp tài liệu để tính toán thu nhập quốc dân.

➤ **Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng của chi phí.**

Căn cứ vào mục đích, công dụng của chi phí trong sản xuất để chia ra các khoản mục chi phí khác nhau, mỗi khoản mục chỉ bao gồm những chi phí cùng mục đích và công dụng, không phân biệt nội dung kinh tế của chi phí. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng vào mục đích trực tiếp sản xuất sản phẩm. Không tính vào khoản mục này những chi phí nguyên vật liệu sử dụng vào mục đích chung và những hoạt động ngoài sản xuất.
- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm chi phí về tiền lương, tiền ăn ca, số tiền trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp sản xuất.
- Chi phí sản xuất chung: Là những chi phí dùng cho hoạt động sản xuất chung ở các phân xưởng, đội trại sản xuất ngoài 2 khoản mục chi phí trực tiếp trên bao gồm:
 - ✚ Chi phí nhân viên đội trại sản xuất, phân xưởng sản xuất: Phản ánh các chi phí liên quan và phải trả cho nhân viên phân xưởng: Tiền lương, tiền công, tiền ăn ca, các khoản phụ cấp, trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo lương của

nhân viên quản lý: Nhân viên kế toán, thống kê, thủ kho, tiếp liệu, công nhân vận chuyển, công nhân sửa chữa ở phân xưởng.

✚ Chi phí vật liệu: Phản ánh chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng như vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định, vật liệu văn phòng, phân xưởng và những vật liệu dùng cho nhu cầu quản lý chung ở phân xưởng.

✚ Chi phí dụng cụ sản xuất gồm chi phí dụng cụ dùng cho nhu cầu sản xuất chung ở phân xưởng: Khuôn mẫu, dụng cụ giá lắp, dụng cụ cầm tay, dụng cụ bảo hộ lao động, ván khuôn, giàn giáo trong xây dựng cơ bản.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh toàn bộ số tiền trích tài sản khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình, tài sản cố định thuê tài chính sử dụng ở các phân xưởng: Khấu hao máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn nhà xưởng, vườn cây lâu năm, súc vật làm việc, súc vật sinh sản.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh những chi phí về lao vụ, về dịch vụ mua từ bên ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất ở phân xưởng, đội trại sản xuất như: chi phí về điện nước, khí nén, hơi đốt, chi phí điện thoại, fax, chi phí sửa chữa tài sản cố định thuê ngoài.

+ Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh những chi phí bằng tiền ngoài những chi phí nêu trên phục vụ cho nhu cầu sản xuất chung của phân xưởng, đội sản xuất.

Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng của chi phí có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, làm tài liệu tham khảo để lập định mức chi phí sản xuất và lập kế hoạch giá thành sản phẩm cho kỳ sau.

➤ **Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với sản lượng sản phẩm sản xuất.**

- Chi phí khả biến (biến phí): là chi phí có thể thay đổi và tổng số tương quan tỷ lệ thuận với sự thay đổi khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ. Thuộc loại này có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp.

- Chi phí bất biến (định phí): là chi phí không thay đổi tổng số khi có sự khối lượng sản phẩm sản xuất như: chi phí khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, chi phí điện thắp sáng,...

Cách phân loại này có tác dụng lớn trong công tác quản trị kinh doanh, phân tích điểm hòa vốn và phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết để hạ giá thành sản phẩm tăng hiệu quả kinh doanh.

1.3. Ý nghĩa của công tác quản lý chi phí sản xuất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quản lý chi phí sản xuất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm nên quản lý chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng, thể hiện qua các mặt sau đây:

- Tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh là nguồn vốn quan trọng để mở rộng tái sản xuất xã hội, trong điều kiện giá cả ổn định, chi phí của doanh nghiệp càng hạ thấp thì lợi nhuận càng tăng và nguồn vốn tái sản xuất càng nhiều.
- Tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh còn tạo điều kiện cho doanh nghiệp hạ thấp giá bán. Từ đó doanh nghiệp tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh còn có thể giảm bớt lượng vốn lưu động, đồng thời thể hiện việc tiết kiệm vốn cố định.

1.4. Giá thành sản phẩm, phân loại giá thành sản phẩm.

1.4.1. Khái niệm giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm là tổng chi phí sản xuất tính cho một khối lượng hoặc đơn vị sản phẩm (công việc, lao vụ) do doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành.

1.4.2. Phân loại giá thành sản phẩm.

1.4.2.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm chia thành 3 loại:

- Giá thành kế hoạch: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Giá thành kế hoạch do bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp xác định trước khi tiến hành sản xuất. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.
- Giá thành định mức: là giá thành được tính trên các cơ sở định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho một đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định mức cũng được thực hiện trước khi tiến hành sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành định mức là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp, là thước đo chính xác để

xác định kết quả sử dụng tài sản, vật tư, lao động giúp cho việc đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giá thành thực tế: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở dữ liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh tập hợp được trong kỳ và sản lượng sản phẩm thực tế chỉ tính toán được sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, là cơ sở xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.4.2.2. Phân loại giá thành theo phạm vi tính toán.

- Giá thành sản xuất còn gọi là giá thành công xưởng bao gồm: chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, tính cho sản phẩm, công việc, lao vụ hoàn thành. Giá thành sản phẩm được sử dụng để ghi sổ kế toán thành phẩm nhập kho hoặc giao cho khách hàng và là căn cứ để tính giá vốn hàng bán, lãi gộp ở các doanh nghiệp sản xuất.

- Giá thành toàn bộ: Bao gồm giá thành sản xuất và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm đó. Giá thành toàn bộ của sản phẩm là căn cứ để tính toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.4.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau vì chúng đều biểu hiện bằng tiền của chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra cho hoạt động sản xuất. Chi phí sản xuất trong kỳ là căn cứ để tính giá thành sản phẩm, lao vụ... đã hoàn thành sự tiết kiệm hoặc lãng phí chi phí sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm.

1.5. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm.

1.5.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

- Khái niệm: Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn mà chi phí sản xuất cần phải tập hợp nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát chi phí sản xuất và yêu cầu tính giá thành sản phẩm.

- Căn cứ để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất: Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất và công dụng của chi phí trong sản xuất.

- Các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:

+ Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất hoặc từng giai đoạn của quy trình công nghệ (từng phân xưởng, tổ đội sản xuất) hoặc từng đơn đặt hàng.

+ Tùy theo quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm đặc điểm của sản phẩm mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là sản phẩm, nhóm sản phẩm, bộ phận, chi tiết, nhóm chi tiết sản phẩm.

1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

- Khái niệm đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc lao vụ, do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải tính được giá thành và giá thành đơn vị.

- Căn cứ để xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm: Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, các loại sản phẩm và lao vụ mà doanh nghiệp sản xuất, tính chất sản phẩm và cung cấp sử dụng sản phẩm, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp để xác định đối tượng tính giá thành cho thích hợp.

- Các loại đối tượng tính giá thành sản phẩm:

- Về mặt tổ chức sản xuất: Nếu tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm, từng công việc sản xuất là một đối tượng tính giá thành. Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt sản phẩm là đối tượng tính giá thành. Nếu tổ chức sản xuất nhiều khối lượng lớn thì mỗi loại sản phẩm sản xuất là một đối tượng tính giá thành.

- Về mặt quy trình công nghệ sản xuất: Nếu quy trình công nghệ sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành là thành phẩm hoàn thành ở cuối quy trình sản xuất. Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu song song (lắp ráp), thì đối tượng tính giá thành là thành phẩm được lắp ráp hoàn chỉnh, từng bộ phận, từng chi tiết sản phẩm.

1.6. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành, trên cơ sở đó tổ chức việc ghi chép ban đầu và lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp.

- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định và bằng phương pháp thích hợp đã chọn,

cung cấp kịp thời những số liệu, thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí, yếu tố chi phí quy định, xác định đúng đắn chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Vận hành phương pháp tính giá thành thích hợp để tính giá thành và giá thành đơn vị thực tế của các đối tượng tính giá thành theo đúng các khoản mục quy định và đúng kỳ tính giá thành sản phẩm đã xác định.

- Định kỳ cung cấp các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành cho lãnh đạo doanh nghiệp và tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí và dự toán chi phí, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ giá thành sản phẩm, phát huy khả năng tiềm tàng đề xuất biện pháp thích hợp để phấn đấu không ngừng tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

1.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

1.7.1. Tài khoản kế toán sử dụng chủ yếu

TK 621: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

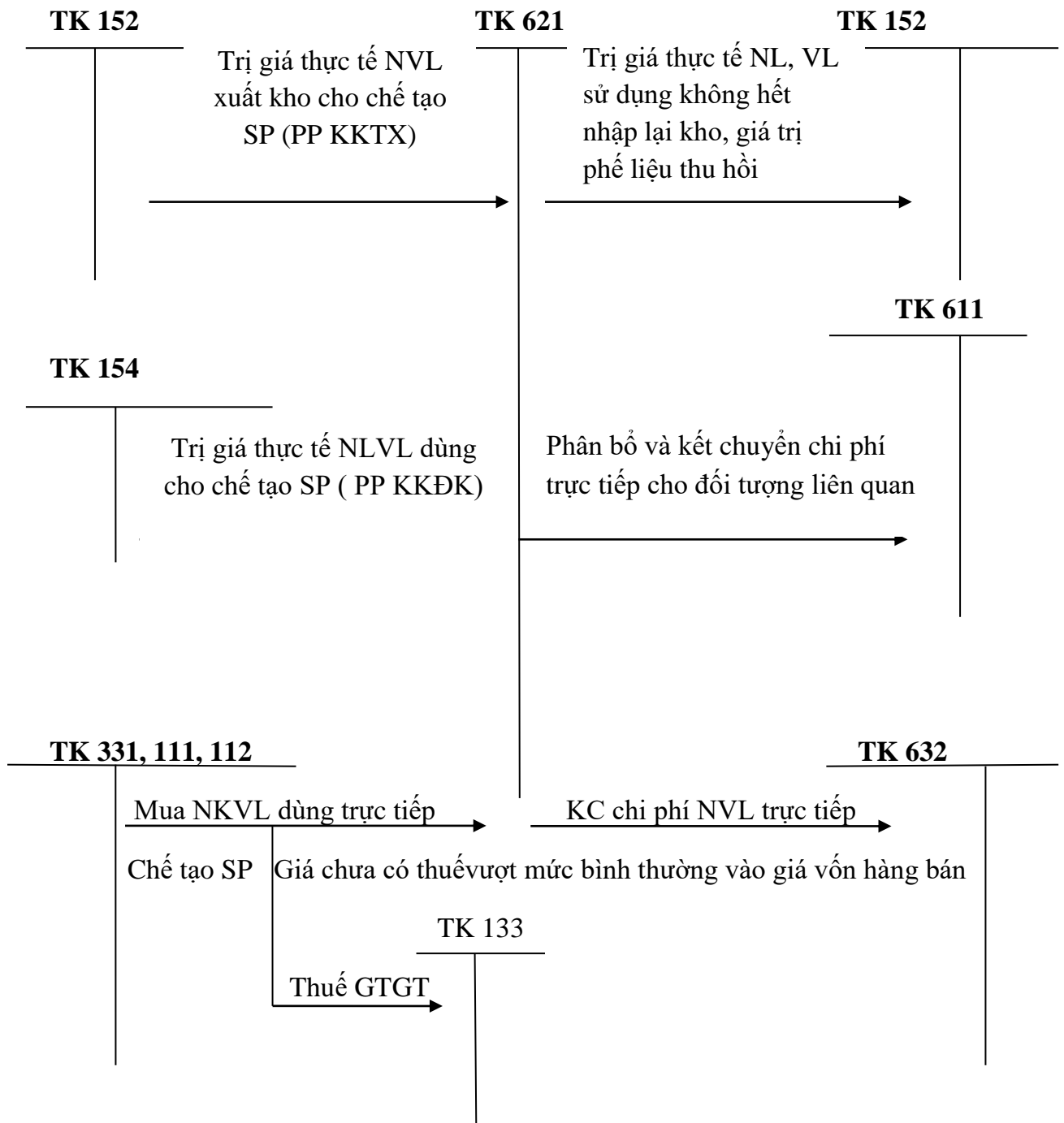
Bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kỳ hoạch toán.

Bên Có: - Trị giá nguyên liệu, vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho

- Giá trị phế liệu thu hồi
- Kết chuyển chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp vào TK 154 “chi phí kinh doanh sản xuất dở dang” hoặc 631 “ giá thành sản xuất ” và chi tiết cho từng đối tượng để tính giá thành sản phẩm dịch vụ.

- Kết chuyển chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường vào giá vốn hàng bán.

TK 621 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.1 : Kế toán chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp

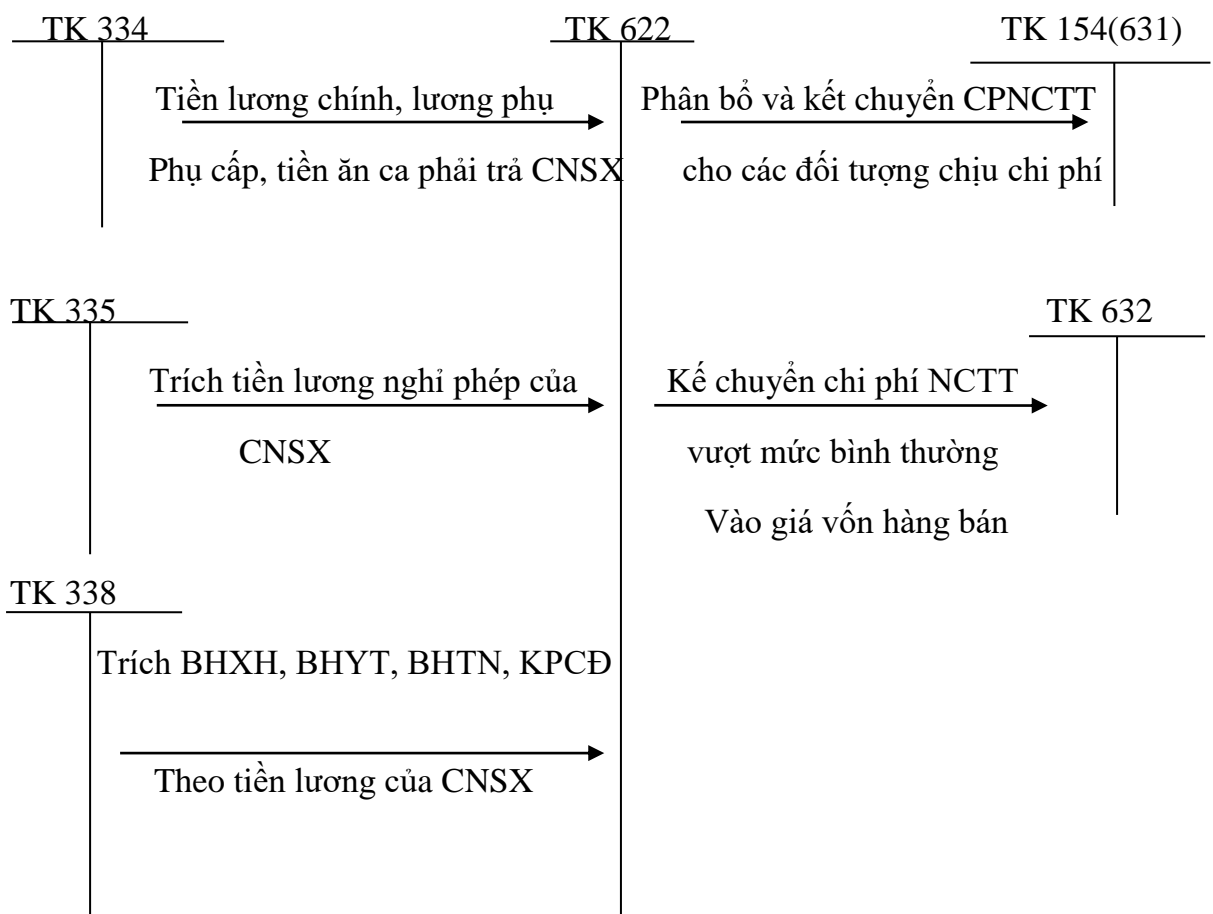
- Bên Nợ: Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ phát sinh trong kỳ.

- Bên Có:

- + Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào TK 154 hoặc TK 632.

- + Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt mức bình thường vào giá vốn hàng bán.

TK 622 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.2: Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp

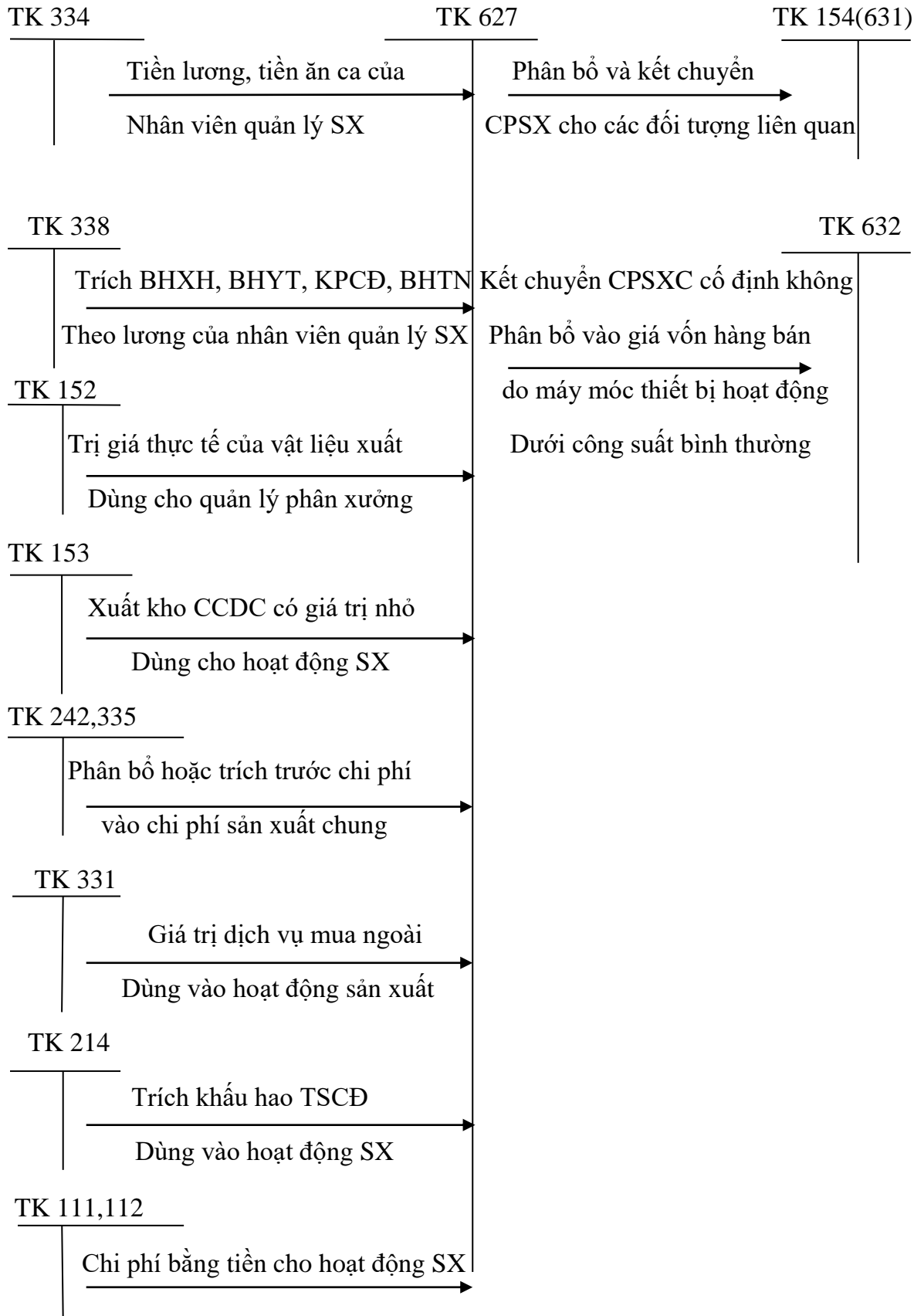
TK 627: Chi phí sản xuất chung

- Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ
- Bên Có:

+ Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung

+ Phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng chịu chi phí và kết chuyển vào giá vốn hàng bán do mức sản phẩm sản xuất thực tế thấp hơn công suất bình thường.

TK 627 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.3: Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung

TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Bên Nợ:

+ Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ có liên quan đến sản xuất sản phẩm và chi phí thực hiện dịch vụ.

+ Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên).

Bên Có:

+ Giá trị phế liệu thu hồi, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

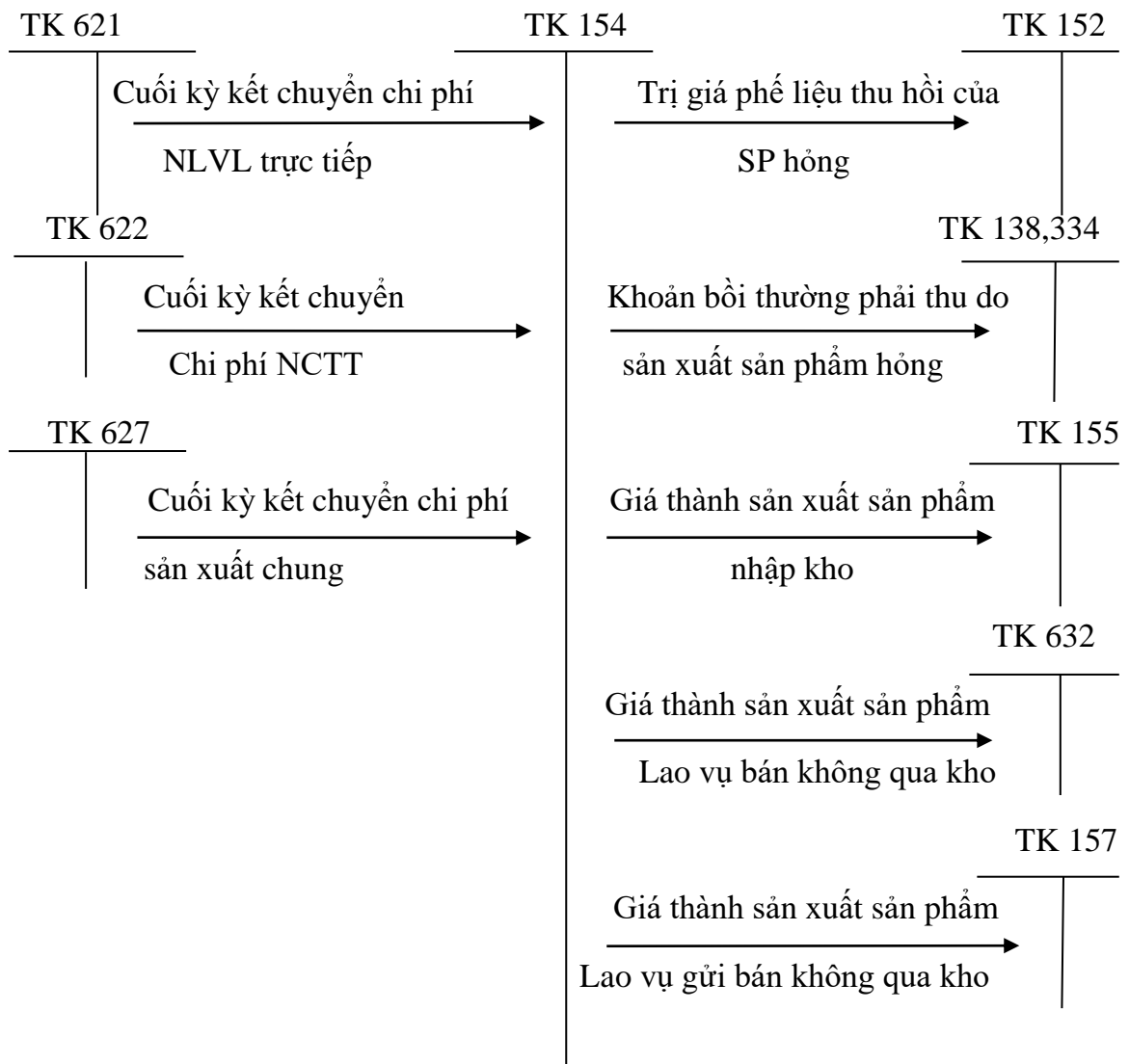
+ Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

+ Giá vật liệu, công cụ, hàng hóa gia công xong nhập lại kho.

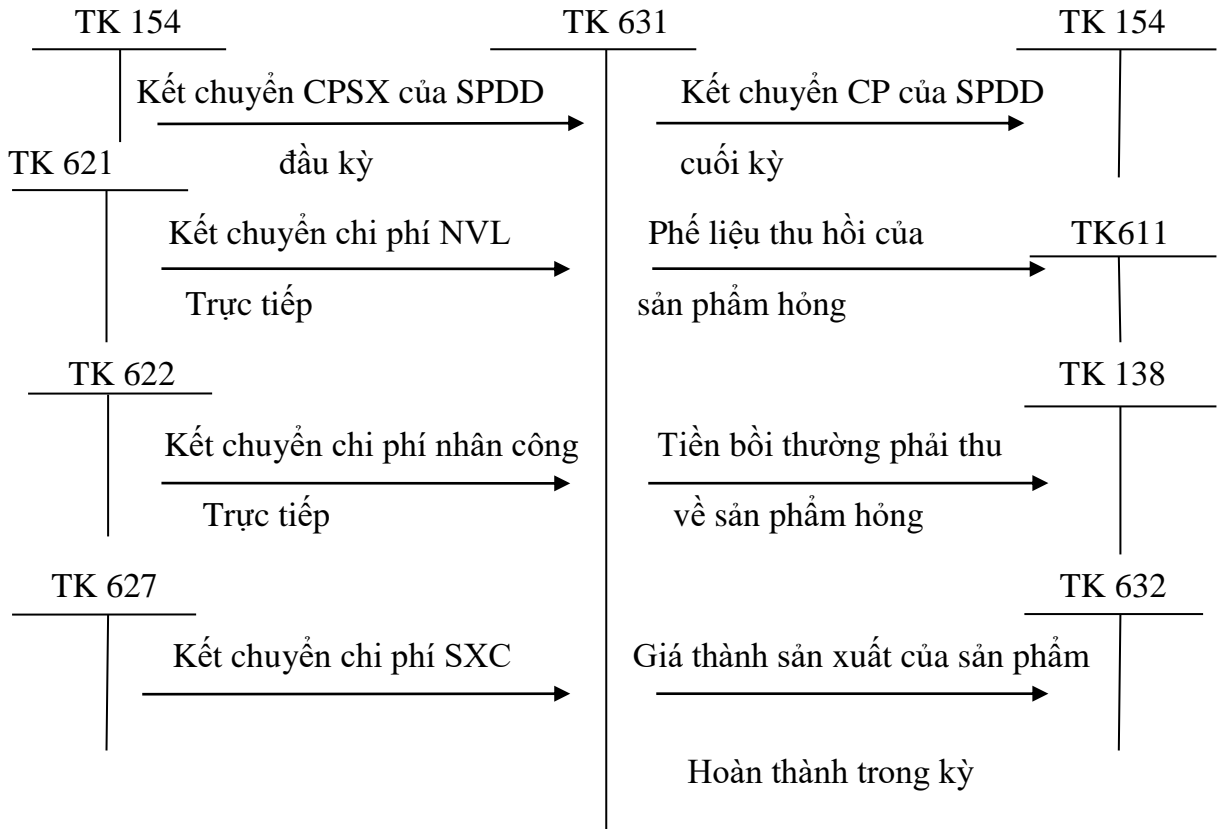
+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà tính vào giá vốn hàng bán.

Số dư bên nợ: phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang còn cuối kỳ.

1.7.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất



Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp (theo phương pháp kê khai định kỳ).

1.8. Các phương pháp đánh giá sản phẩm đang chế tạo dở dang.

1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, còn các chi phí khác như chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Theo phương pháp này toàn bộ chi phí chế biến được tính hết cho thành phẩm. Do vậy trong sản phẩm dở dang chỉ bao gồm giá trị vật liệu chính mà thôi.

$$\begin{array}{l}
 \text{Giá trị vật liệu} \\
 \text{chính nằm trong} \\
 \text{sản phẩm dở dang}
 \end{array}
 = \frac{\text{Số lượng} \\
 \text{thành phẩm} \\
 \text{dở dang cuối kỳ} \\
 + \text{Số lượng SP} \\
 \text{dở dang}}{\text{Số lượng} \\
 \text{thành phẩm} \\
 \text{dở dang}} * \begin{array}{l}
 \text{Toàn bộ giá trị} \\
 \text{vật liệu chính} \\
 \text{xuất dùng}
 \end{array}$$

Phương pháp này áp dụng thích hợp đối với các doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành và số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ.

1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành. Do vậy, trước hết cần căn cứ khối lượng sản phẩm dở dang và mức độ chế biến của chúng để tính đổi khối lượng sản phẩm dở dang ra khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương. Sau đó, tính toán xác định từng khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang. Vì vậy phương pháp này chỉ nên áp dụng để tính các chi phí chế biến còn các chi phí nguyên vật liệu chính phải xác định theo số thực tế đã dùng.

$$\begin{array}{l}
 \text{Giá trị vật liệu} \\
 \text{chính nằm trong} \\
 \text{sản phẩm} \\
 \text{dở dang} \\
 \\
 \text{Chi phí chế biến} \\
 \text{nằm trong sản} \\
 \text{phẩm dở dang} \\
 \text{(theo từng loại)} \\
 \text{ra thành phẩm} \\
 \\
 \text{Số lượng sản phẩm} \\
 \text{dở dang quy đổi} \\
 \text{ra thành phẩm}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng sản phẩm} \\
 \text{cuối kỳ (không quy đổi)} \\
 \\
 \text{Số lượng} \\
 \text{thành phẩm}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{số lượng sản phẩm} \\
 \text{dở dang (không quy đổi)} \\
 \\
 \text{Số lượng sản phẩm} \\
 \text{dở dang} \\
 \text{cuối kỳ quy đổi ra thành phẩm} \\
 \\
 \text{số lượng} \\
 \text{thành phẩm}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng sản phẩm} \\
 \text{dở dang quy đổi} \\
 \text{ra thành phẩm}
 \end{array}
 }
 \begin{array}{l}
 \text{Toàn bộ giá} \\
 * \text{trị vật liệu chính} \\
 \text{xuất dùng} \\
 \\
 \text{Tổng chi} \\
 * \text{phí chế biến} \\
 \text{từng loại} \\
 \\
 \text{phần trăm} \\
 * \text{(\%)} \text{ mức độ} \\
 \text{hoàn thành}
 \end{array}$$

Phương pháp này áp dụng thích hợp đối với các doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trong tổng giá thành sản xuất không lớn lắm, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều và có sự biến động lớn so với đầu kỳ.

1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức trong trường hợp doanh nghiệp áp dụng hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo định mức hoặc trường hợp doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức chi phí hợp lý. Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang đã

kiểm kê ở từng công đoạn sản xuất, quy đổi theo mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và định mức khoản mục phí ở từng công đoạn tương ứng cho từng đơn vị sản phẩm để tính ra chi phí định mức cho sản phẩm dở dang ở từng công đoạn, sau đó tổng hợp cho từng loại sản phẩm.

$$\text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} = \text{Tổng số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành} \times \text{Chi phí định mức của mỗi sản phẩm}$$

Theo quy định hiện hành về Luật thuế TNDN, các doanh nghiệp sản xuất bắt buộc phải xây dựng định mức chính của những sản phẩm chủ yếu nên hầu hết các doanh nghiệp xây dựng định mức sản xuất. Chính vì vậy, phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức là phổ biến. Trường hợp các doanh nghiệp chưa xây dựng được hệ thống định mức chi phí hợp lý thì có thể dựa trên chi phí sản xuất thực tế và tùy đặc điểm sản xuất của mình mà lựa chọn đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí vật liệu chính trực tiếp hoặc khối lượng hoàn thành tương đương.

1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.

Đối với những loại sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ trọng thấp trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất đây là một dạng của phương pháp ước tính theo sản lượng tương đương, trong đó giả định sản phẩm dở dang đã hoàn thành ở mức độ 50% so với thành phẩm.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang chưa hoàn thành} = \text{Giá trị NVL chính nằm trong sản phẩm dở dang} + 50\% \text{ chi phí chế biến}$$

1.8.5. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp

Theo phương pháp này, sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ bao gồm nguyên vật liệu chính trực tiếp (hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp), còn các chi phí gia công chế biến tính cả cho sản phẩm hoàn thành.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng thích hợp ở doanh nghiệp có quy trình sản xuất đơn giản, có chi phí vật liệu chính trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí

sản xuất, chi phí vật liệu phụ và các chi phí chế biến chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Tổng giá trị chi phí VLC dùng cho sx trong kỳ}}{\text{SL sản phẩm hoàn thành + SLSPDD}} \times \text{Số lượng SPDD}$$

1.9. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm và ứng dụng trong các loại hình DN chủ yếu

1.9.1. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm

1.9.1.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn

Phương pháp tính giá thành giản đơn (còn gọi là phương pháp tính giá thành trực tiếp). Phương pháp này áp dụng thích hợp với những sản phẩm, công việc có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn khép kín, tổ chức sản xuất nhiều chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục, đối tượng tính giá thành tương ứng phù hợp với đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, kỳ tính giá thành định kỳ hàng tháng (Quý) phù hợp với kỳ báo cáo.

Trường hợp cuối kỳ có nhiều sản phẩm dở dang và không ổn định cần tổ chức đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp thích hợp. Trên cơ sở số liệu, chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ và chi phí sản phẩm dở dang đã xác định tính giá thành sản phẩm theo công thức:

$$Z = C + Dđk - Dck$$

Giá thành đơn vị sản phẩm: $Z = z/Q$

Trong đó: Z, z : Tổng giá thành, giá thành đơn vị sản phẩm, lao vụ sản xuất thực tế

C : Tổng chi phí đã tập hợp trong kỳ theo từng đối tượng

$Dđk, Dck$: Chi phí của sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ

Q : Sản lượng sản phẩm lao vụ hoàn thành

Trường hợp cuối kỳ không có sản phẩm dở dang hoặc có nhưng ít ổn định nên không cần tính chi phí của sản phẩm dở dang thì tổng chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ cũng đồng thời là tổng giá thành sản phẩm hoàn thành:

$$Z = C$$

1.9.1.2. Phương pháp hệ số

Theo phương pháp này muốn tính được giá thành cho từng loại sản phẩm căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật để xác định cho mỗi loại sản phẩm một hệ số tính giá thành, trong đó lấy loại sản phẩm có hệ số bằng 1 làm sản phẩm tiêu chuẩn căn cứ vào sản lượng thực tế hoàn thành cho từng loại sản phẩm và hệ số tính giá thành quy ước cho từng loại sản phẩm để tính quy đổi sản lượng thực tế ra sản lượng tiêu chuẩn.

Gọi H_i là hệ số tính giá thành quy ước của sản phẩm i và Q_i là sản lượng sản xuất thực tế của sản phẩm i .

Tính quy đổi sản lượng thực tế ra sản lượng tiêu chuẩn:

$$Q = \sum Q_i * H_i$$

Trong đó: Q là tổng sản lượng thực tế hoàn thành quy đổi ra sản lượng sản phẩm tiêu chuẩn.

Tính tổng giá thành và giá thành đơn vị của từng loại sản phẩm

$$Z = \frac{Ddk+C-Dck}{Q} * Q_i H_i$$

$$Z = Z/Q$$

1.9.1.3. Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ

Theo phương pháp này giá thành sản phẩm được tính căn cứ vào tiêu chuẩn phân bổ hợp lý và chi phí sản xuất đã tập hợp, để tính ra đối tượng tính giá thành, tiêu chuẩn phân bổ thường là giá thành kế hoạch hoặc giá thành định mức.

Sau đó tính giá thành cho từng thứ sản phẩm

Công thức:

$$\text{Giá thành thực tế cả nhóm sản phẩm theo từng khoản} \\ \text{Tỷ lệ giá thành} \quad \text{khoản mục} \\ \text{từng khoản mục} = \frac{\text{Giá thành thực tế cả nhóm sản phẩm theo từng khoản}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ}} \\ \text{(theo từng khoản mục)}$$

$$\text{Giá thành thành thực tế từng quy cách} = \text{Tiêu chuẩn phân bố của từng quy cách (theo từng khoản mục)} \times \text{Tỷ lệ tính giá thành từng khoản mục}$$

1.9.1.4. Phương pháp tính loại trừ chi phí

Theo phương pháp này muốn tính được giá thành của các đối tượng tính giá thành, phải lấy tổng chi phí sản xuất đã được tập hợp loại trừ chi phí của sản phẩm phụ, chi phí thiệt hại của sản phẩm hỏng không được tính trong giá thành sản phẩm, chi phí phục vụ lẫn nhau trong nội bộ các phân xưởng sản xuất phụ.

$$\text{Công thức: } Z = C = D_{đk} - D_{ck} - C_{it}$$

Trong đó: Z là tổng giá thành của đối tượng tính giá thành

C: là tổng chi phí đã tập hợp

D_{đk}, D_{ck}: là chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ

C_{it}: là chi phí cần loại trừ ra khỏi tổng giá thành của các đối tượng tính giá thành.

1.9.1.5. Phương pháp cộng chi phí

Theo phương pháp này đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở các bước chế biến, giá thành sản phẩm hoàn thành ở bước cuối cùng là tổng chi phí đã phát sinh ở các bước chế biến.

Nếu gọi C₁, C₂, ..., C_n là chi phí tổng hợp được ở từng giai đoạn sản xuất:

$$Z = D_{đk} + C_1 + C_2 + \dots + C_n - D_{ck}$$

$$z = Z / Q_{tp}$$

1.9.1.6. Phương pháp tính giá thành liên hợp

Là kết hợp nhiều phương pháp tính giá thành khác như kết hợp phương pháp trực tiếp, phương pháp hệ số, phương pháp tỷ lệ, phương pháp cộng chi phí.

1.9.1.7. Phương pháp tính giá thành theo định mức

$$Z_{tt} = Z_{đm} ; \pm \text{Chênh lệch do thay đổi định mức}; \pm \text{Chênh lệch thoát ly}$$

1.9.2. Ứng dụng các phương pháp tính giá thành trong các loại hình doanh nghiệp chủ yếu

1.9.2.1. Doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu song song

Trường hợp đối tượng tính giá thành là từng chi tiết bộ phận sản phẩm hoàn thành thì sử dụng phương pháp liên hợp kết hợp với phương pháp trực tiếp để tính giá thành cho từng chi tiết, bộ phận sản phẩm hoàn thành và phương pháp cộng chi phí để tính giá thành cho thành phẩm hoàn thành.

Trường hợp đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng hoàn thành thì đối tượng tính giá thành sử dụng phương pháp cộng chi phí.

1.9.2.2. Doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục

Tính giá thành theo phương án có bán thành phẩm: Theo phương án này, đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm hoàn thành ở từng giai đoạn và thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối. Kế toán sử dụng phương pháp liên hợp kết hợp phương pháp trực tiếp và phương pháp cộng chi phí, ở giai đoạn 1 sử dụng phương pháp trực tiếp, còn các giai đoạn sau sử dụng phương pháp cộng chi phí bao gồm cả chi phí giai đoạn trước chuyển sang và chi phí phát sinh ở giai đoạn này.

Tính giá thành theo phương án không có bán thành phẩm: Theo phương án này đối tượng tính giá thành là thành phẩm hoàn thành giai đoạn cuối nên đối tượng tính giá thành có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí. Kế toán sử dụng phương pháp cộng chi phí để tính giá thành cho thành phẩm hoàn thành.

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH GỖ
HOÀNG ANH QUY NHƠN

2.1. Khái quát chung của Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

2.1.1.1. Tên và địa chỉ công ty

Tên hợp pháp của công ty: Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Tên tiếng anh: Hoang Anh Quy Nhon Wooden Furniture factory: Phu Tai Industrial Zone – Quy Nhon City – Binh Dinh Pro – Viet Nam.

Địa chỉ: QL1A – Khu công nghiệp Phú Tài – Phường Trần Quang Diệu – Tp.Quy Nhon – Tỉnh Bình Định.

Lĩnh vực hoạt động: Chế biến lâm sản, đồ gỗ.

Mã số thuế: 5900639165 – 001

Điện thoại: 0563.841.953.

Fax: 0563.841.992.

Email: ctytnhhhoanganh@vnn.vn.

Website: www.hoanganhqn.binhdinh.com.

2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn được thành lập theo quyết định số 17/GP/TLDN ngày 20/04/1998 của UBND tỉnh Bình Định. Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận Đăng ký KD số 046366 ngày 20/04/1998 và Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn cấp giấy phép chế biến gỗ và lâm sản khác số 176 ngày 14/11/1998.

Trước tháng 6/2006, Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn là công ty độc lập, sau đó tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai được hình thành, các công ty nhỏ thuộc Tập Đoàn Hoàng Anh Gia Lai được cổ phần hóa nên đổi tên thành Nhà Máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

Ngày 18/10/1999, Nhà máy mở rộng và xây dựng thêm phân xưởng 2.

Ngày 01/02/2000 khánh thành phân xưởng mới và nhập một số máy mới trị giá 1,8 tỷ đồng từ Nhật Bản và Đài Loan để phục vụ cho quá trình sản xuất.

Ngày 02/07/2001, Nhà máy đăng ký KD thêm một số ngành nghề mới là nghề buôn bán gỗ tròn và gỗ xẻ.

Ngày 20/10/2003, công ty tiếp tục mở rộng xây dựng phân xưởng 3 để đảm bảo việc cung cấp hàng hóa trong nước cũng như nước ngoài. Nhờ sự đầu tư kịp thời và đúng đắn mà nhà máy đã đạt được những thành công to lớn.

Ngày 10/03/2004, Nhà máy được Bộ Thương Mại tặng bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác xuất khẩu hàng hóa.

Năm 2009, đổi tên thành Chi nhánh Công ty cổ phần gỗ Hoàng Anh Gia Lai – Nhà máy gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

Từ 2014 trở đi công ty đổi tên thành Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn với diện tích 30.000 mét vuông, chuyên chế biến gỗ tròn sang sản phẩm hoàn chỉnh xuất khẩu, một xưởng cưa, 30 lò sấy, và các phân xưởng sơ chế, lắp ráp, nhà sơn, hoàn chỉnh và đóng gói sản phẩm. Với những điều kiện này có thì công ty được đánh giá là có quy mô lớn.

Từ ngày thành lập đến nay công ty đã phát triển không ngừng, quy mô ngày càng mở rộng đến cuối năm 2015:

Tổng nguồn vốn của công ty: 130.623.473.010 đồng.

✚ Dưới hình thức tài sản:

+ Tài sản dài hạn: 41.159.010.925 đồng

+ Tài sản ngắn hạn: 89.464.462.085 đồng

✚ Dưới hình thức nguồn vốn:

+ Nguồn vốn chủ sở hữu: 5.055.107.898 đồng

+ Vốn vay: 125.568.365.112 đồng

Tổng số lao động hiện có của công ty là 1.090 với tổng quỹ lương: 18.138.681.430 đồng.

2.1.1.4. *Kết quả kinh doanh, đóng góp vào ngân sách nhà nước qua các năm của công ty.*

Bảng 2.1: Kết quả hoạt động của công ty (2013-2015)

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tốc độ tăng (%)	
				2014/2013	2015/2014
1. Doanh thu bán hàng, CCDV	99.478.213.842	103.575.679.421	156.220.452.006	+4,12	+50,83
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.190.784.587	17.402.126.826	10.844.224.828	+142,01	-37,68
3. Thuế TNDN	1.438.156.917	3.828.467.902	2.385.729.462	+166,21	-37,68
4. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	5.752.627.670	13.573.658.924	8.458.495.366	+135,96	-37,68

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Nhận xét: Nhìn vào bảng phân tích trên ta thấy:

+ Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ qua các năm từ năm 2013 đến 2015 đều tăng với tốc độ tăng lần lượt là 4,12% và 50,83%. Qua đó ta thấy được rằng công ty làm ăn ngày càng có hiệu quả thể hiện qua sự tăng dần của chỉ tiêu này. Bên cạnh đó ta thấy chỉ tiêu các khoản giảm trừ doanh thu cũng tăng qua các năm. Chính vì điều đó đã làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu thuần, nhưng nhìn chung doanh thu thuần vẫn tăng với một tốc độ cao, cụ thể là năm 2013 tăng 1,42% so với năm 2013 và năm 2015 tăng với tốc độ 50,83 % so với năm 2014.

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế qua các năm có sự biến động, cụ thể là năm 2013 là 7.190.784.587đồng, 2014 với lợi nhuận kế toán trước thuế đạt kết quả cũng khá cao và tăng mạnh so với năm 2013 là 142,01%, nhưng đến năm 2015 lợi nhuận kế toán trước thuế giảm với tốc độ giảm 37,68% so với năm 2014. Qua đó ta thấy việc kinh doanh của công ty có hiệu quả nhưng hiệu quả không cao và đang có xu hướng giảm.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.2.1. Chức năng

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn chủ yếu sản xuất chế biến gỗ tinh chế lâm sản. Với mục đích đầu tư phát triển mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, tạo ra nhiều sản phẩm sản xuất tiêu thụ nội địa, nhất là trong lĩnh vực sản xuất chế biến gỗ tinh chế và lâm sản khác. Công ty được thành lập và hoạt động kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận, tạo công việc ổn định cho người lao động, đóng góp một phần có ích cho ngân sách Nhà nước và sự phát triển của công ty.

2.1.2.2. Nhiệm Vụ

Công ty có trách nhiệm tổ chức hoạt động sản xuất chế biến gỗ tinh chế và lâm sản khác để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Sản xuất và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng kí.

Ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký, tuân thủ các chính sách, chế độ quản lý kinh tế, quản lý xuất nhập khẩu và quan hệ đối ngoại

Quản lý và sử dụng hiệu quả về vốn tài sản được giao để thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ của công ty, chịu sự giám sát toàn diện của cơ quan có thẩm quyền.

Làm tốt công tác bảo đảm an toàn lao động, an ninh trật tự xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

2.1.2.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Đặc điểm về thành phẩm

Hiện nay, công ty đang hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ, lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ với các sản phẩm chế biến từ gỗ như các sản phẩm gia dụng, các sản phẩm ngoài trời phục vụ cho các bãi tắm hoặc những bộ bàn ghế có kiểu dáng trang nhã đặt trong sân vườn như: giường tắm nắng Patyline, giường tắm nắng BĐ, ghế 5 bậc, ván sàn, bàn Oval...

Với sự đa dạng về chủng loại sản phẩm như trên đã gây không ít khó khăn cho công tác hạch toán mà đặc biệt là công tác tiêu thụ thành phẩm.

Qua những vấn đề trên ta thấy thành phẩm của công ty sản xuất ra tương đối đa dạng và phức tạp với nhiều chuẩn loại, kích cỡ khác nhau. Hoạt động SXKD của công ty chưa thật sự ổn định, thường xuyên có sự thay đổi theo yêu cầu của người tiêu dùng trong xã hội.

- **Thị trường đầu vào và đầu ra:**

Thị trường đầu vào: Do nhu cầu về chất lượng sản phẩm và nguồn gốc xuất xứ sản phẩm gỗ tinh chế của một số khách hàng thường xuyên của công ty nên công ty đã nhập khẩu một số lượng lớn gỗ chủ yếu là gỗ tròn (chiếm 80%), gỗ Dầu, gỗ Chò, gỗ Bạch đàn, ... được nhập khẩu chủ yếu từ Brazil, Malai, Nam Phi, Lào, Ấn Độ bằng đường biển qua cảng Quy Nhơn để sản xuất theo đơn đặt hàng. Còn lại ở Việt Nam chủ yếu là gỗ rừng trồng được chính phủ cho phép khai thác.

Thị trường đầu ra: Sản phẩm gỗ của công ty được tiêu thụ rộng rãi ở thị trường nước ngoài và tiêu thụ nội địa. Thị trường nước ngoài của công ty chủ yếu là thị trường Châu Âu như: Đức, Hà Lan, Đan Mạch, ... và thị trường Mỹ.

- **Nguồn vốn kinh doanh của công ty:**

Với số vốn ban đầu năm 1998 là 35.645.657.329 đồng và sau hoạt động đến năm 2015 số vốn nhà máy đã tăng lên đến: 130.623.473.010 đồng. Trong đó vốn chủ sở hữu là: 5.055.107.898 đồng, các khoản nợ phải trả: 125.568.365.112 đồng.

- **Đặc điểm các nguồn lực chủ yếu của công ty:**

- **Tài sản cố định**

Bảng 2.2. Bảng tình hình sử dụng TSCĐ của công ty năm 2015

(ĐVT: Đồng)

STT	TSCĐ	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	18.326.400.854	(7.824.086.384)	10.512.314.470
2	Máy móc thiết bị	15.974.210.275	(6.963.921.168)	9.010.289.102
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.419.158.252	(597.424.604)	1.821.733.648
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	263.332.823	(138.651.760)	124.681.063

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Tài sản cố định chiếm phần lớn tài sản của công ty, điều này phản ánh năng lực hiện có và trình độ của lao động trong nhà máy, máy móc thiết bị là điều kiện cần thiết để giảm thiểu sức lao động, nâng cao năng xuất lao động.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: ghi theo giá mua thực tế ghi trên hóa đơn.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao đường thẳng.

➤ **Lao động**

Bảng 2.3. Bảng cơ cấu lao động năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Tỷ trọng(%)
I	Tổng số lao động	1.090	100%
II	Theo trình độ		
1	Đại học	21	19,26%
2	Cao đẳng	13	11,92%
3	Trung cấp	17	15,6%
4	Lao động phổ thông	1.039	95,32%
III	Theo giới tính		
1	Nam	494	45,32%
2	Nữ	596	54,68%

(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính)

Qua bảng số liệu ta thấy số lao động có trình độ đại học, cao đẳng có tỷ lệ thấp chưa phù hợp với quy mô và quy trình công nghệ của công ty, vậy công ty cần phải nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên, nhằm tăng cường công tác quản lý cho phù hợp với dây chuyền công nghệ hiện đại. Với đặc điểm sản xuất chế biến gỗ thì lượng lao động phổ thông và tỷ lệ nam nữ như vậy là phù hợp.

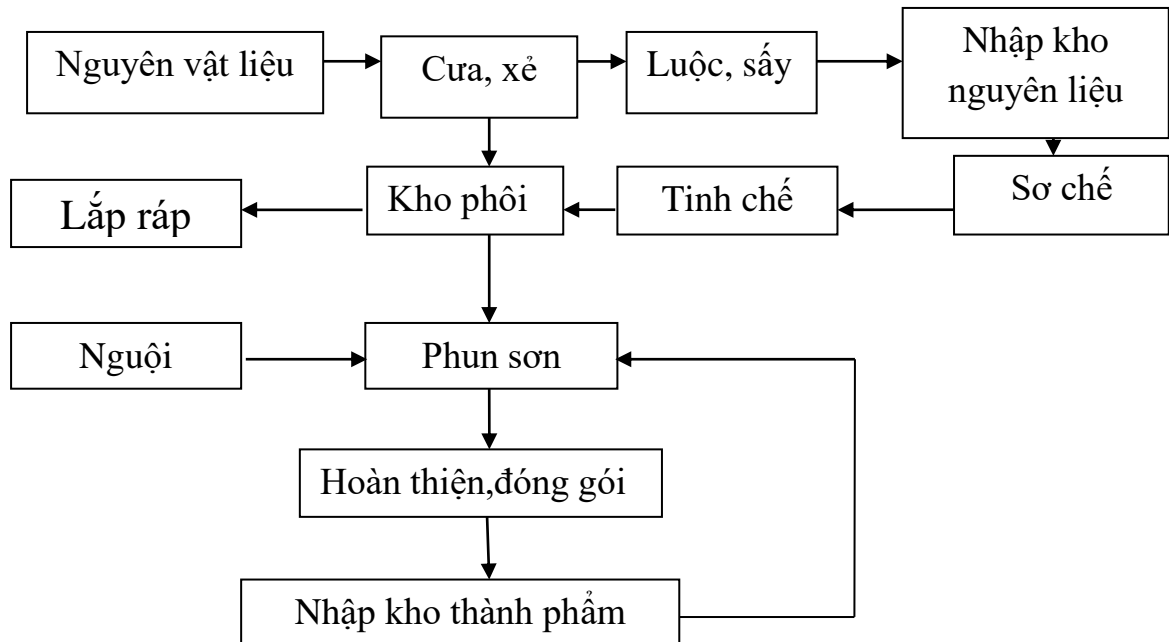
2.1.3. Công tác tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất và tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.1.3.1. Các mặt hàng sản xuất hiện nay của công ty

Mặt hàng sản xuất chủ yếu là bàn gỗ ngoài trời, trang trí nội thất như: giường tắm nắng patyline, giường tắm nắng BĐ, ghế 5 bậc, ván sàn.

2.1.3.2. Quy trình công nghệ sản xuất của mặt hàng chủ yếu

Để tạo ra sản phẩm được khách hàng ưu chuộng thì đối với sản phẩm làm từ gỗ ta phải qua nhiều giai đoạn gia công, chế biến mới tạo được sản phẩm vừa bền vừa chất lượng mà giá cả phải chăng. Chính vì vậy dưới sự lãnh đạo một Giám đốc công ty thì sản phẩm phải trải qua những giai đoạn cần thiết để nên một sản phẩm như sau:



(Nguồn: Phòng Điều hành Sản xuất)

Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất tại công ty

Nội dung cơ bản các bước quy trình sản xuất

Nguyên liệu: trong nước (gỗ rừng trồng có nguồn gốc), nhập từ nước ngoài (gỗ có giấy chứng nhận FSC). Các loại gỗ nguyên liệu chủ yếu như: cao su, keo, tạp, bạch đàn, xoan, đào, chò...
KCS: Đội KCS có nhiệm vụ tái kiểm nội bộ, phát hiện và sửa chữa kịp thời lỗi kỹ thuật tại mỗi công đoạn sản xuất.

Cưa, xẻ: sau khi nhập gỗ về phân xưởng tiến hành đo đạt theo quy cách đơn vị đặt hàng sau đó máy nâng sẽ đưa gỗ vào phân xưởng cưa và rong biên.

Luộc, sấy: Gỗ phách sẽ cho vào lò được đun sôi theo biểu đồ nhiệt. Mục đích làm cho gỗ giảm bớt hàm lượng mủ trong gỗ hoặc lượng dầu đối với gỗ dầu

làm gỗ có màu sắc đẹp hơn, đồng thời chống được mối mọt, cong vênh giãn nở... sau khi kết thúc giai đoạn luộc gỗ được đưa vào lò sấy.

Nhập kho nguyên liệu: sau khi sấy thủ kho tiến hành quá trình nhập kho với phách đạt yêu cầu.

Sơ chế: tiến hành công việc tạo phôi chi tiết. Tổ cura dứt chịu trách nhiệm kiểm tra nguyên liệu gỗ về chất lượng, khối lượng và đối chiếu mã phách. Tổ cura xong nhận phôi từ tổ cura dứt và rong theo các quy định sẵn đối với chi tiết thẳng. Chi tiết sau khi cura dứt, rong, lượn được chuyển qua tổ bào (bào phẩm, bào cuộn). Kiểm tra chi tiết trước khi giao qua tổ tinh chế, những chi tiết đạt chuẩn xếp trên pallet riêng, chi tiết không đạt để riêng xử lý.

Tinh chế: nhận chi tiết của sơ chế rồi tiến hành các công việc tupi, khoan, đục, phay, roto,... các công việc được tiến hành theo các tiêu chí phòng kỹ thuật đưa ra, số lượng và quy cách phải được kiểm tra trên pallet của tổ tinh chế.

Kho phôi: sau khi cắt phôi, các chi tiết bộ phận nhỏ được đưa vào kho phôi đặt trên các pallet riêng biệt để tránh nhầm lẫn các nguồn gốc và chủng loại, chi tiết hay cụm chi tiết.

Lắp ráp: tiến hành công việc lựa gỗ lắp ráp cụm chi tiết hay sản phẩm. Đối với chi tiết nhỏ, số lượng lớn cần qua lửa màu trước khi lắp ráp.

Nguội: tiến hành công việc vô keo, tram trít và chà nhám khí thủ công những điểm không phù hợp sản phẩm.

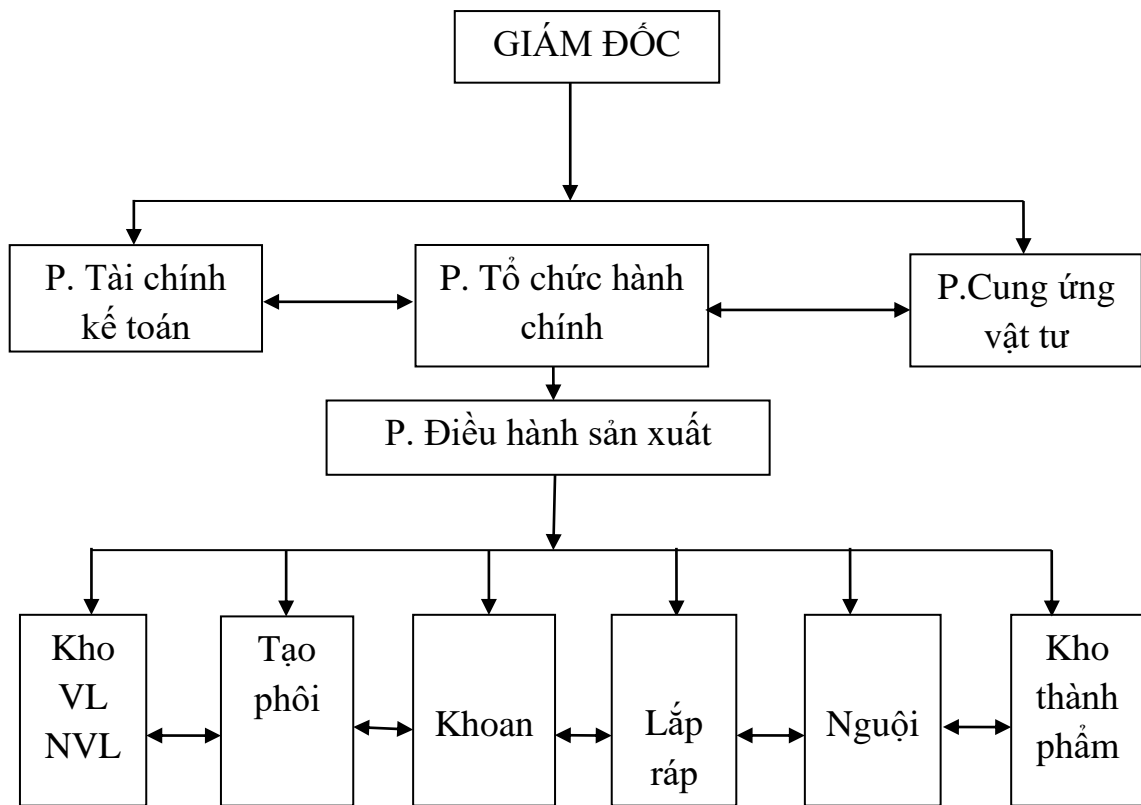
Phun sơn: Dựa trên yêu cầu sản phẩm, tổ phun sơn sẽ nhúng dầu hoặc phun sơn.

Hoàn thiện, đóng gói: tổ hoàn thiện kiểm tra lần cuối để tìm và khắc phục những khuyết điểm khó phát hiện của sản phẩm. Sau khi kiểm tra xong thì tiến hành đóng gói bao bì.

Nhập kho thành phẩm: KCS thành phẩm có trách nhiệm kiểm tra hàng trước khi nhập kho và yêu cầu tái chế các sản phẩm không đạt.

Lập biên bản kiểm tra chất lượng, lập biên bản nhập kho thành phẩm.

2.1.3.3. Công tác tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Chú thích:

Quan hệ chỉ đạo \longrightarrow

Quan hệ phối hợp \longleftrightarrow

Chức năng, nhiệm vụ của các bộ máy quản lý:

Giám đốc: là người đại diện pháp luật của công ty, là người có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trực tiếp chỉ đạo, định hướng hoạt động các phòng.

Phòng tài chính kế toán: chịu trách nhiệm trước giám đốc và nhà nước theo quy định kế toán về hoạt động tài chính kế toán trong công ty. Theo dõi và tập hợp các số liệu có liên quan trong quá trình sử dụng hệ thống tài chính. Tổ chức vốn sao cho đảm bảo cung cấp kịp thời đầy đủ nhằm tạo ra điều kiện phát triển cho quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị được liên tục và hiệu quả.

Phòng tổ chức hành chính: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác hành chính quản trị, công tác an ninh, an toàn cháy nổ.... trong phạm vi toàn công ty. Trực tiếp chỉ đạo các hoạt động phòng ban, ra quyết định và quản lý các văn bản

trong phạm vi trách nhiệm được giao theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc và nhân sự.

Phòng cung ứng vật tư: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc cung ứng và lựa chọn đơn vị cung cấp. Lập kế hoạch chi tiết cho từng đơn hàng, việc cung ứng phải kịp thời để không gián đoạn sản xuất. Chỉ đạo và giám sát mua hàng, xuất trình Giám đốc các đề xuất trang thiết bị máy móc, công cụ lao động và chịu trách nhiệm giám sát có hiệu quả.

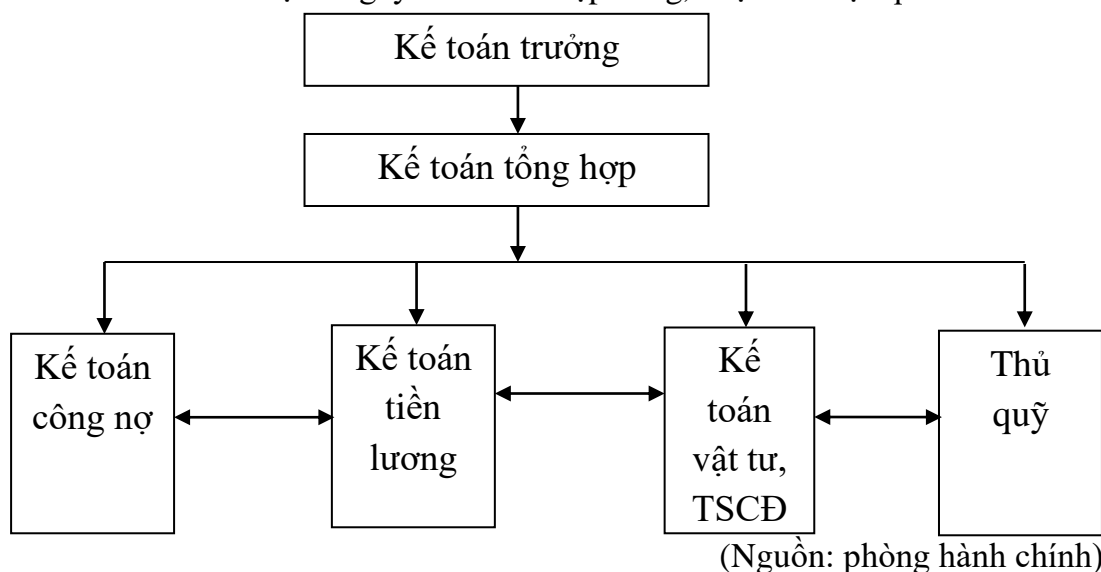
Phòng điều hành sản xuất: là phòng tham mưu tổng hợp cho Giám đốc, có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hàng tháng, quý, năm dài hạn hay thay đổi sản xuất xây dựng, cung ứng vật tư kỹ thuật theo dõi xuất nhập khẩu và xây dựng chương trình sản xuất kinh doanh của công ty. Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ cho công nhân trong quá trình sản xuất.

Các thủ kho nguyên vật liệu, thành phẩm: chịu trách nhiệm quản lý sản phẩm về số lượng, chất lượng tại kho, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy khu vực kho. Được quyền từ chối không nhập kho nguồn NVL, thành phẩm không đảm bảo chất lượng, mẫu mã không đúng quy cách hoặc thiếu chứng từ liên quan và không hợp lệ.

2.1.3.4. Tổ chức công tác kế toán trong Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.

➤ **Mô hình tổ chức kế toán tại công ty:**

Mô hình kế toán tại công ty là mô hình tập trung, được thể hiện qua sơ đồ sau:



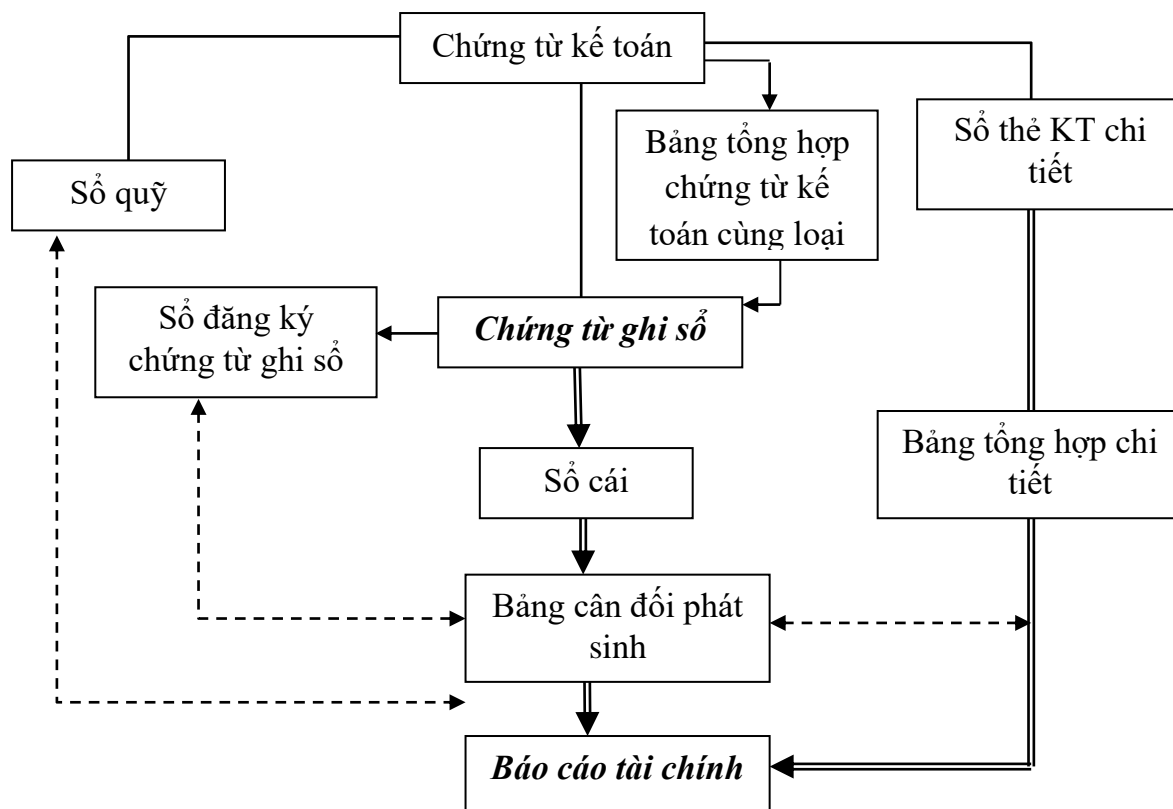
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Chú thích:Quan hệ chỉ \longrightarrow Quan hệ phối hợp \longleftrightarrow ***Chức năng và nhiệm vụ bộ máy kế toán của công ty:***

- **Kế toán trưởng:** là người chịu trách nhiệm mọi hoạt động kinh tế tài chính, lập báo cáo tài chính, lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh, trực tiếp chỉ đạo điều hành bộ phận kế toán, ký duyệt các chứng từ gốc trước khi trình lãnh đạo.
- **Kế toán tổng hợp:** có nhiệm vụ tổng hợp các sổ sách, chứng từ của các bộ phận kế toán, thực hiện việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về xuất nhập vật tư, các loại vốn, các quỹ, xác định kết quả kinh doanh, các khoản thanh toán với Nhà nước, Ngân hàng. Lập báo cáo quyết toán và kiểm tra hàng tháng, quý, năm.
- **Kế toán thanh toán công nợ:** theo dõi các khoản thu chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày theo chế độ làm căn cứ vào chứng từ gốc. Cập nhật các khoản phải thu, phải trả người bán, khoản tạm ứng, chịu trách nhiệm theo dõi kiểm tra đôn đốc công nợ và kế hoạch trả nợ trước lãnh đạo.
- **Kế toán tiền lương:** hằng ngày có trách nhiệm thiết lập các phiếu thu chi, các phiếu tạm ứng. Cuối tháng tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên.
- **Kế toán vật tư, TSCĐ:** theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ xuất – nhập – tồn vật tư, theo dõi việc mua, thanh lý nhượng bán TSCĐ.
- **Thủ quỹ:** thu, chi có chứng từ hợp lý, hằng ngày đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp và xác định số tồn quỹ cuối ngày. Cuối kỳ lập bảng kê tiền mặt.

➤ **Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty:**

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động SXKD, quy mô lớn của công ty, trình độ của đội ngũ nhân viên cũng như yêu cầu của hạch toán, công ty lựa chọn hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ” để thực hiện công việc kế toán tại công ty.



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “chứng từ ghi sổ” tại công ty

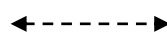
Ghi chú : Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng/cuối kỳ



Đối chiếu, kiểm tra



Giải thích sơ đồ:

Quy trình ghi sổ kế toán của công ty: hàng ngày nhân viên kế toán phụ trách từng phần hành căn cứ vào chứng từ gốc có liên quan đến phần hành của mình hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để lên chứng từ ghi sổ. Sau đó, căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng (cuối kỳ) kế toán khóa sổ, tổng hợp số liệu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó lên sổ cái, và lập bảng cân đối tài khoản. Cuối cùng kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

➤ **Các chính sách kế toán khác áp dụng tại công ty**

Chế độ kế toán: áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên, cuối kỳ kế toán công ty xác định số lượng thực tế sản phẩm nhập kho.

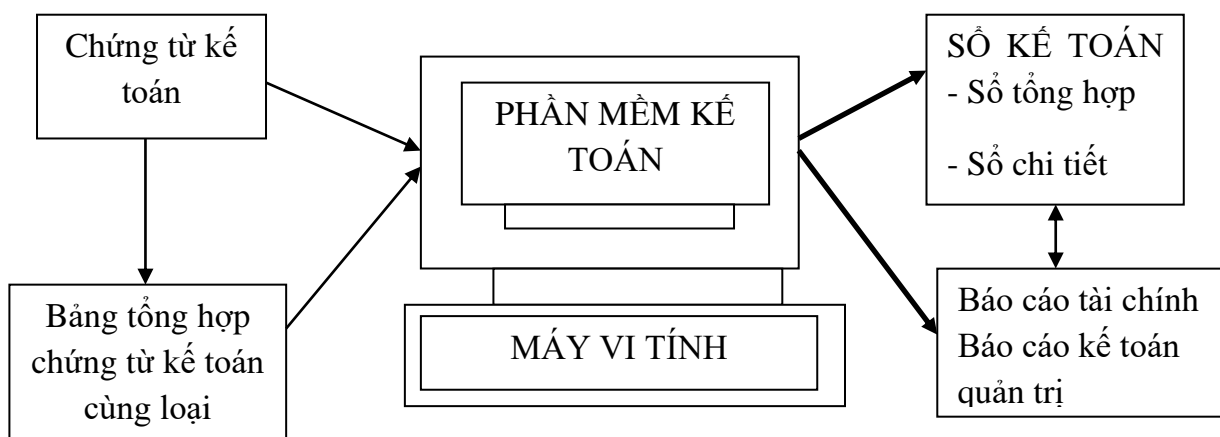
Phương pháp tính giá xuất kho vật liệu:

Phương pháp tính giá thực tế xuất kho vật tư: bình quân gia quyền đối với gỗ và nhập trước xuất trước đối với các loại vật liệu khác.

Phương pháp tính giá sản phẩm hàng hóa: công ty tính giá xuất kho thành phẩm theo giá hạch toán và cuối kỳ kế toán điều chỉnh giá.

Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp khấu hao đều.

➤ **Hiện nay, công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Misa:**



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán theo hình thức kế toán máy.

Ghi chú:

- ✓ Nhập số liệu hàng ngày : →
- ✓ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: →
- ✓ Đối chiếu, kiểm tra: ↔

Trình tự hoạch toán theo hình thức kế toán máy:

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ để nhập dữ liệu vào máy tính theo các nội dung công việc được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán theo các nội dung trên chứng từ kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán các thông tin tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ Cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối kỳ kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Sau đó in ra giấy, đóng thành tập và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán và báo cáo tài chính ghi bằng tay.

2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành của công ty

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn là đơn vị sản xuất chế biến các sản phẩm lâm sản để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Hiện nay, công ty chỉ đầu tư sản xuất mặt hàng gỗ xuất khẩu gỗ như: bàn, ghế, giường tắm nắng... . Nên đối tượng hạch toán chi phí theo từng loại sản phẩm.

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí làm cơ sở cho việc tập hợp chi phí sản xuất để phục vụ việc tính giá thành sản phẩm.

Kỳ tập hợp chi phí: Với đặc điểm công ty TNHH và đặc điểm SXKD của công ty. Sự biến động giá cả của các loại NVL, chi phí mua ngoài... nên hàng tháng kế toán thực hiện tập hợp chi phí và tính giá thành.

2.2.2. Phân loại chi phí sản xuất, phương pháp kế toán chi phí và giá thành.

➤ Phân loại chi phí sản xuất

- Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn hạch toán chi phí sản xuất theo từng loại sản phẩm. Trong đó:

- + Chi phí trực tiếp được hạch toán trực tiếp cho từng loại sản phẩm.

+ Chi phí gián tiếp được phân bổ cho từng loại sản phẩm theo chi phí NVLTT

➤ Phương pháp kế toán chi phí và tính giá thành

Tập hợp chi phí liên quan đến từng đối tượng sử dụng. Từ đó tính toán và phân bổ giá trị sử dụng trên cơ sở sản phẩm và giá thành đơn vị. Sau đó, tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng. Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, từ đó tính tổng giá thành sản phẩm hoàn thành rồi tính sản phẩm từng đơn vị.

$$\text{Tổng chi phí sản xuất} = \text{Chi phí NVLTT} + \text{Chi phí NCTT} + \text{Chi phí SXC}$$

Tổng sản phẩm: Sản phẩm hoàn thành + Sản phẩm dở dang

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành} & = & \text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} & + & \text{Tổng chi phí phát sinh trong kỳ} & - & \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất

2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí NVLTT: là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm tại công ty với nhiều loại khác nhau bao gồm:

+ Vật liệu chính như: gỗ dầu, gỗ tròn, gỗ bạch đàn, gỗ chò... Tùy theo từng loại sản phẩm mà sử dụng các loại gỗ khác nhau.

+ Vật liệu phụ như: bulông, ốc, đinh, long đèn, vít, keo, giàn gỗ, hóa chất...

+ Nhiên liệu: xăng, dầu diezen, dầu nhớt máy.

Chứng từ sử dụng:

Phiếu xuất kho, bảng kê chi tiết vật tư. Căn cứ vào khối lượng đơn đặt hàng, định mức tiêu hao NVL cho từng loại sản phẩm, phòng kế toán tính toán, kiểm tra và đề nghị xuất kho vật tư. Các phiếu này được lập cho một hoặc một số loại vật tư và dùng riêng cho từng loại SP. Đối với phiếu đề nghị xuất kho nguyên liệu thì lập cho từng đơn đặt hàng, còn phiếu đề nghị xuất kho vật tư lập riêng cho từng loại SP.

Căn cứ vào phiếu đề nghị xuất kho thủ kho lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được viết thành 3 liên:

Liên 1: giao cho phân xưởng sản xuất.

Liên 2: giao cho phòng kế toán để kèm vào bảng kê chứng từ xuất kho.

Liên 3: lưu tại kho.

Tài khoản sử dụng:

- + TK 152: nguyên liệu, vật liệu. Trong đó chi tiết thành các tiểu khoản:
- + TK 621: Chi phí NVLTT: dùng để tập hợp CP NVLTT

Trình tự hạch toán:

Kê toán căn cứ phiếu xuất kho tiên hành, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ rồi vào Sổ Cái TK chi phí SXKD theo dõi từng SP.

Quá trình tập hợp CP NVLTT cho một đơn đặt hàng:

Bảng 2.4. Bảng chi tiết đơn đặt hàng

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Khối lượng (m³)	Loại
1	Bàn bát giát	500	150	Chò
2	Bàn oval	400	120	Chò

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

PHIẾU XUẤT KHO

(Ngày 02 tháng 10 năm 2015)

Số :PX10/01

Nợ TK 621

Có TK 1521

Người nhận : Trương Thanh Tùng
 Bộ phận: : Kỹ thuật phân xưởng
 Theo phiếu đề xuất : Ngày 02 tháng 10 năm 2015
 Lý do xuất: : Cung cấp gỗ xẻ chò để sản xuất sản phẩm
 Xuất tại kho: Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
 (ĐVT: Đồng)

Số TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gỗ xẻ chò để sản xuất bàn bát giát	M ³	150	3.550.000	532.500.000
2	Gỗ xẻ chò để sản xuất bàn oval	M ³	120	3.550.000	426.000.000
	Cộng		270		958.500.000

Ngày 02 tháng 10 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị **Người nhận** **Người giao** **Người lập**
 (ký, đóng dấu, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Chín trăm năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng.
- Chứng từ gốc kèm theo:

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

PHIẾU XUẤT KHO

(Ngày 20 tháng 10 năm 2015)

Số: PX10/03

Nợ TK 621

Có TK 1522

Người nhận : Trương Thanh Tùng
 Bộ phận : Kỹ thuật phân xưởng
 Lý do xuất : Xuất NVL để sản xuất
 Xuất tại kho : Công ty TNHH gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

STT	Tên Vật tư, Quy cách	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	Keo 502, keo sữa	Kg	355	355	5.250	1.863.750
2	Giấy nhám	Tờ	1.215	1.215	2.250	2.733.750
3	Băng keo	Cuộn	565	565	3.120	1.762.800
4	Dây đóng kiện	Kg	255	255	8.315	2.120.325
5	Thuốc chống ẩm	Lít	312	312	2.455	765.960
6	Vải lau	Kg	340	340	552	187.680
7	Vít các loại	Kg	216	216	4.255	919.080
8	Bản lề	Kg	325	325	3.948,17	1.283.155
9	Tinh màu xử lý gỗ	Lít	431	431	3.243	1.397.733
10	Xăng công nghiệp	Lít	450	450	11.500	5.175.000
11	Dầu diezen	Lít	462	462	12.600	5.821.200
12	NC mỡ	Kg	451	451	4.282	1.931.182
	Tổng cộng					25.961.615

Bảng chữ: hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm mười lăm đồng.

(Ngày 20 tháng 10 năm 2015)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Người giao
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Sổ Chi Phí Sản Xuất Kinh Doanh
TK 621 Bàn bát giát – Chi phí NVL TT

(ĐVT: Đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 621
	SH	NT			
02/10	PX10/01	02/10	Xuất kho gỗ xẻ chò cho phân xưởng SX	152	532.500.000
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho keo 502 để SX SP	152	965.775
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho giấy nhám để chà SP	152	1.035.024
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho băng keo để SX SP	152	962.326
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho bản lè để dùng cho SP	152	721.450
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho xăng để dùng cho SP	152	1.955.000
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho vải lau để lau SP	152	80.975
...
			Cộng PS		544.754.775
X	x	x	Kết chuyển CK, ghi Có TK 621	154. bg	544.754.775

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Sổ Chi Phí Sản Xuất Kinh Doanh
TK 621 Bàn oval – Chi phí NVL TT

(ĐVT: Đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ TK 621
	SH	NT			
02/10	PX10/01	02/10	Xuất kho gỗ xẻ chò cho phân xưởng SX	152	426.000.000
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho keo 502 để SX SP	152	897.975
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho giấy nhám để chà SP	152	1.698.626
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho dây đóng kiện	152	1.428.125
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho dầu diezen để dùng cho SP	152	2.790.200
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho xăng để dùng cho SP	152	3.220.000
...
			Cộng PS		439.706.840
x	x	x	Kết chuyển CK, Ghi Có TK 621	154. oval	439.706.840

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Gổ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Phiếu Kết Chuyển**TK 621 – Chi phí NVL TT****Ngày 31 tháng 10 năm 2015****Số 01**

(ĐVT: Đồng)

Ngày tháng	Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
31/10	Kết chuyển CPNVLTT bàn BG	154.bg	621	544.754.775
31/10	Kết chuyển CPNVLTT bàn oval	154. oval	621	439.706.840
...
Cộng PS				984.461.615

Kèm theo 2 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gổ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 10 (Ghi Nợ TK 621)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
02/10	PX10/01	Xuất NVL để SX Bàn.BG	621. bg	152	532.500.000
02/10	PX10/01	Xuất NVL để SX Bàn oval	621. oval	152	426.000.000
20/10	PX10/03	Xuất NVL để SX Bàn BG	621. bg	152	12.254.775
20/10	PX10/03	Xuất NVL để SX bàn oval	621. oval	152	13.706.840
...
Cộng PS					984.461.615

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 11(Ghi Có TK 621)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
31/10	PKC01	Kết chuyển CPNVLTT bàn BG	154.bg	621	544.754.775
31/10	PKC01	Kết chuyển CPNVLTT bàn oval	154. oval	621	439.706.840
...
Cộng PS					984.461.615

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CÁI

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp – Số hiệu TK 621 (ĐVT: Đồng)

NT G	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
31/10	10	31/10	Xuất NVL để SX Bàn.BG	152	532.500.000	
			Xuất NVL để SX Bàn oval	152	426.000.000	
			Xuất NVL để SX Bàn BG	152	12.254.775	
			Xuất NVL để SX bàn oval	152	13.706.840	
31/10	11	31/10	Kết chuyển CPNVLTT bàn bát giá	154. bg		544.754.775
			Kết chuyển CPNVLTT bàn oval	154. oval		439.706.840
			Cộng số phát sinh tháng		984.461.615	984.461.615
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Nội dung kế toán: CP NCTT ở công ty bao gồm: tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất, phụ cấp, thưởng, tăng ca... và các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho công nhân sản xuất theo tỷ lệ trích quy định.

Phương thức trả lương: công ty trả lương theo 2 hình thức:

+ Tiền lương theo sản phẩm: áp dụng cho công nhân sản xuất trực tiếp

Lương Sản phẩm = Số lượng SP làm ra × Đơn giá
--

+ Lương theo thời gian lao động

Lương cấp bậc + phụ cấp quy định

Mức lương ngày = _____

Số ngày làm việc quy định trong tháng

$$\text{Mức lương tháng} = \text{Lương cơ bản 1 ngày} + \text{Số ngày làm việc thực tế} + \text{Phụ cấp có tính chất lương}$$

Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo SP cho bộ phận trực tiếp sản xuất. Công ty xây dựng định mức và đơn giá tiền lương theo đơn giá tiền lương từng SP, từng công đoạn cho đến khi SP hoàn thành. Các công việc phát sinh ngoài định mức phải có giấy giao việc và mức khoản cụ thể.

Tài khoản sử dụng:

TK 334: “ Phải trả công nhân viên”

TK 338: “ Phải trả phải nộp khác”

3382: Kinh phí công đoàn: 2%

3383: Bảo hiểm xã hội: 18%

3384: Bảo hiểm y tế: 3%

3386: Bảo hiểm thất nghiệp: 1%

Trình tự kế toán:

Căn cứ đơn đặt hàng phòng tổ chức tiến hành dựa vào tính chất và mức độ công việc tiến hành lập đơn giá giá tiền lương theo từng SP ở từng công đoạn.

Khi chấm công các tổ phải chấm công rõ ràng kèm theo phiếu giao nhận và phiếu xác nhận khối lượng SP đã được bộ phận quản lý kiểm tra và xác nhận.

Căn cứ vào số lượng sản phẩm hoàn thành và định mức đơn giá tiền lương đã được ký duyệt. Kế toán tính tổng quỹ tiền lương và chia đều cho tổng số công nhân trực tiếp sản xuất theo số công của họ đã làm.

Tồn quỹ lương thực tế phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất ở toàn phân xưởng được tính như sau:

$$\sum_{i=1}^n L_{tt} = \sum_{i=0}^n (\text{Đgi} * Q_i)$$

Trong đó:

L_{tt}: Tổng lương

Đgi: Đơn giá tiền lương từng giai đoạn.

Q_i: Khối lượng sản phẩm hoàn thành từng giai đoạn.

Cuối tháng căn cứ vào bảng chấm công, số liệu thống kê sản phẩm từ nhà máy chuyển lên, kế toán tiến hành tính toán tiền lương.

Bảng 2.5. Bảng tính tiền lương khoản phải trả CNTT sản xuất

Tháng 10/ 2015

(ĐVT: Đồng)

Sản phẩm	Số lượng thành phẩm nhập kho	Khối lượng (m ³)	Đơn giá trả lương 1 m ³ thành phẩm	Tiền lương chính trả cho công nhân sản xuất
Bàn bát giát	500	150	1.025.000	153.750.000
Bàn oval	400	120	884.945	106.193.400
Tổng Cộng				259.943.400

Công ty TNHH GỖ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 10 – 2015

Bộ Phận : NHÀ MÁY

(ĐVT: Đồng)

ST T	Xếp loại	Họ và tên	Lương công khoán		Tổng tiền	Khấu trừ 10,5%	Thực lĩnh	Ký nhận
			Số Công	Đ.Giá				
1	A	Huỳnh Anh	26.00	134,345	3.492.970	366.761,85	3.161.140	
2	A	Lê Hóa	26.00	134,345	3.492.970	366.761,85	3.161.140	
3	B	Mạc Định Bé	26.00	127,274	3.309.125	347458,125	3.077.587	
4	C	Lê Văn An	26.00	122,274	3.179.125	333808,125	2.956.587	
...
Cộng			2.050.000		259.943.400	27.294.057	232.649.343	

Hoàng Anh, ngày 30/10/2015

Giám Đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập bảng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH GỖ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Sổ Chi Phí Sản Xuất Kinh Doanh
TK 622 – Chi phí NCTT

(ĐVT: Đồng)

NT	Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U	Ghi Nợ TK 622		
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra	
						Lương	Khoản TL
31/10	BTTL	31/10	Lương công nhân trực tiếp SX	334	259.943.400	259.943.400	
31/10	BPB TL_TL	31/10	Các khoản trích theo lương	338	62.386.416		62.386.416
			Cộng PS		322.329.816	259.943.400	62.386.416
			Kết chuyển CK, ghi Có TK 622	154	322.329.816		

Sau khi tính được CP NCTT kế toán tiến hành phân bổ CP NCTT cho từng loại SP theo CP NVLTT

$$\text{cho từng loại SP} = \frac{\text{Tổng CPNCTT CNCTT}}{\text{Tổng CPNVLTT phát sinh trong kỳ}} \times \text{CP NVLTT từng SP}$$

Tổng CPNCTT bàn Bất giá: $(322.329.816) / 984.461.615 \times 544.754.775$
 $= 178.362.166,4$

Tổng CPNCTT bàn oval : $322.329.816 - 178.362.166,4 = 143.967.649,6$

Công ty TNHH GỖ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Phiếu Kết Chuyển**TK 622 – Chi phí NCTT****Ngày 31 tháng 10 năm 2015****Số 02**

(ĐVT: Đồng)

Ngày tháng	Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
31/10	Kết chuyển lương CNTT sản xuất sản phẩm Bàn bát giát	154.bg	622	178.362.166,4
31/10	Kết chuyển lương CNTT sản xuất sản phẩm Bàn Oval	154.oval	622	143.97.649.6
...
x	Cộng phát sinh tháng	x	x	322.329.816

Kèm theo hai chứng từ gốc

Người lập*(ký, họ tên)*

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng*(ký, họ tên)***Công ty TNHH GỖ Hoàng Anh Quy Nhơn**

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 12 (Ghi Nợ TK 622)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
31/10	BTTL	Lương công nhân trực tiếp sản xuất	622	334	259.943.400
31/10	BPB TL_TL	Các khoản trích theo lương CNTT	622	338	62.386.416
x	x	Cộng phát sinh tháng	x	x	322.329.816

Kèm theo hai chứng từ gốc

Người lập*(ký, họ tên)*

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng*(ký, họ tên)*

Công ty TNHH Gõ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 13 (Ghi Có TK 622)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
31/10	PKC02	Kết chuyển lương CNTT sản xuất sản phẩm Bàn bát giát	154.bg	622	178.362.166,4
31/10	PKC02	Kết chuyển lương CNTT sản xuất sản phẩm Bàn Oval	154.oval	622	143.97.649.6
x	x	Cộng phát sinh tháng	x	x	322.329.816

Kèm theo hai chứng từ gốc

Người lập*(ký, họ tên)*

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng*(ký, họ tên)***Công ty TNHH Gõ Hoàng Anh Quy Nhơn**

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CÁI

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Chi phí nhân công trực tiếp – Số hiệu TK 622

(ĐVT: Đồng)

NTGS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
31/10	12	31/10	Lương công nhân trực tiếp SX	334	259.943.400	
			Các khoản trích theo lương CNTT	338	62.386.416	
		
31/10	13	31/10	Kết chuyển lương CNTT SX	154. bg		178.362.166,4
				154. oval		143.967.649,6
			Cộng số phát sinh tháng		322.329.816	322.329.816
x	x	x	Số dư cuối tháng	x	0	

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người ghi sổ*(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)*

2.2.3.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chứng từ sổ sách kế toán: Bảng chấm công, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, hóa đơn dịch vụ mua ngoài: tiền điện, nước, điện thoại, phiếu chi... Sổ chi tiết TK 627, Sổ Cái TK 627

Chi phí SXC từng loại được kế toán tiến hành phân bổ cho từng loại SP theo chi phí NVL TT :

$$\text{CPSXC phân bổ từng loại SP} = \frac{\text{CPSXC phát sinh}}{\text{Tổng CP NVLTT phát sinh}} \times \text{CP NVLTT từng SP}$$

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

PHIẾU CHI

(Ngày 30 tháng 10 năm 2015)

Số: PC10/05

Nợ TK 627

Có TK 1111

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Khanh

Địa chỉ: Bộ phận sửa chữa PXSX

Lý do chi: chi tiền phục vụ sản xuất

Số tiền: 2.350.000 (Viết bằng chữ: hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

Kèm theo bộ 05 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2015

Người lập phiếu*(ký, họ tên)***Người nhận tiền***(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)***Bảng 2.6 Bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 10/2015**

(ĐVT: Đồng)

STT	Tên, ký hiệu tài sản	Nguyên giá	Tỷ lệ hao mòn	Khấu hao hàng tháng
1	Máy bào 4 mặt	120.000.000	10%	1.000.000
2	Máy khoan	125.000.000	9%	937.500
3	Máy cưa	100.000.000	5%	416.666.667
4	Máy sấy	50.000.000	8%	333.333,333
5	Máy ép	100.000.000	12%	1.000.000
6	Máy tiện	90.000.000	10%	750.000
	Tổng cộng			4.437.500

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

PHIẾU XUẤT KHO
(Ngày 08 tháng 10 năm 2015)
Số: PX10/02

Nợ TK 627
Có TK 152

Người nhận : Trương Thanh Tùng
Bộ phận : Kỹ thuật phân xưởng
Lý do xuất : Phục vụ sản xuất
Xuất tại kho : Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	Dây curoa A42	Dây	10	70.000	700.000
2	Bulon M6×90×15	Con	1.000	835	835.000
3	Mỡ KSC	Lon	02	242.500	485.000
4	Mỡ CN	Kg	10	20.500	205.000
	Tổng Cộng				2.225.000

Tổng cộng (bằng chữ): hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng.

Thủ trưởng đơn vị Kế toán
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

TK 627 – Chi phí Sản xuất chung

(ĐVT: Đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ TK						
	SH	NT			Tổng	Chia ra					
						NVL	CCDC	Lương	Bảo hiểm	Khấu hao	Khác
08/10	PXK 02	08/ 10	Xuất kho VLP cho PX	1522	2.225.000	2.225.000					
25/10	PXK 06	25/ 10	Xuất kho CCDC cho PX	153	1.560.000		1.560.000				
31/10	BTT TL	31/ 10	Tiền lương cho NV PX	334	42.300.000			42.300.000			
31/10	BPBT L- TL	31/ 10	Khoản trích theo lương	338	10.152.000				10.152.000		
31/10	KH	31/ 10	Khấu hao TSCĐ	214	4.437.500					4.437.500	
30/10	PC 05	30/ 10	Chi Phí dịch vụ mua ngoài	111							2.350.000
...
			Cộng PS		103.554.734	2.225.000	1.560.000	42.300.000	10.152.000	4.437.500	42.880.234
x	x	x	Kết chuyển CK, Ghi Có TK 627	154	103.554.734	2.225.000	1.560.000	42.300.000	10.152.000	4.437.500	42.880.234

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Sau khi tính được CPSXC kế toán tiến hành phân bổ CP SXC cho từng loại SP theo CP NVLTT:

$$\begin{aligned} & \text{Tổng CP SXC} \\ & \text{phát sinh trong kỳ} \\ \text{CP SXC phân bổ} \\ \text{cho từng loại SP} &= \frac{\text{---}}{\text{Tổng CP NVLTT}} \times \text{CP NVLT từng loại SP} \\ & \text{phát sinh trong kỳ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng CP SXC Bàn Bát Giát:} &= (103.554.734 / 984.461.615) \times 544.754.775 \\ &= 57.302.321 \end{aligned}$$

$$\text{Tổng CP SXC Bàn Oval:} = 103.554.734 - 57.302.321 = 46.252.413$$

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Phiếu Kết Chuyển

TK 627 – Chi phí SXC

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Số 03

(ĐVT: Đồng)

Ngày tháng	Nội dung trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
31/10	Kết chuyển CPSXC sản phẩm bàn Bát Giát	154.bg	627	57.302.321
31/10	Kết chuyển CPSXC sản phẩm Bàn Oval	154.oval	627	46.252.413
...
	Cộng phát sinh tháng			103.554.734

Kèm theo hai chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 14 (Ghi Nợ TK 627)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu TK ĐƯ		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
08/10	PX10/02	Xuất kho vật liệu cho phân xưởng	627	152	2.225.000
25/10	PX10/06	Xuất kho công cụ dụng cụ dùng phân xưởng	627	153	1.560.000
....
x	x	Cộng phát sinh tháng			16.089.729

Kèm theo hai chứng từ gốc

Người lập*(ký, họ tên)***Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn**

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng*(ký, họ tên)***CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 15 (Ghi Nợ TK 627)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu TK ĐƯ		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
10/10	PC10/01	Thuê ngoài gia công sửa chữa	627	111	23.500.000
15/10	PC 10/02	Chi tiền nước	627	112	4.100.000
16/10	PC10/03	Chi tiền điện thoại	627	111	2.230.000
...
30/10	PC10/05	Chi tiền phục vụ sản xuất	627	111	2.350.000
x	x	Cộng phát sinh tháng			31.830.000

Kèm theo hai chứng từ gốc

Người lập*(ký, họ tên)*

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng*(ký, họ tên)*

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 16 (Ghi Nợ TK 627)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu TK ĐƯ		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
20/10	HĐ 301	Chi mua giấy chưa trả cho người bán	627	331	1.050.234
22/10	HĐ 302	Chi mua ốc chưa trả cho người bán	627	331	2.047.056
....
X	x	Cộng phát sinh tháng			8.745.505

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 17 (Ghi Nợ TK 627)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu TK ĐƯ		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
31/ 10	BTTL	Tiền lương bộ phận phân xưởng	627	334	42.300.000
31/ 10	BPB TL_TL	Các khoản trích theo lương	627	338	152.000
		Cộng phát sinh tháng			42.452.000

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH GỖ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 18 (Ghi Nợ TK 627)
(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu TK ĐƯ		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
31/ 10	BTKH	Khấu hao TSCĐ	627	214	4.437.500
		Cộng phát sinh tháng			4.437.500

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH GỖ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 19 (Ghi Có TK 627)
(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
31/10	PKC03	Kết chuyển CPSXC sản phẩm Bàn bát giát	154.bg	627	57.302.321
31/10	PKC03	Kết chuyển CPSXC sản xuất sản phẩm Bàn Oval	154.oval	627	46.252.413
		Cộng phát sinh tháng			103.554.734

Kèm theo hai chứng từ gốc

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CÁI

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Chi phí sản xuất chung – Số hiệu TK 627

(ĐVT: Đồng)

NTGS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			Xuất VL để dùng cho PX	152	2.225.000	
31/10	14	31/10	Xuất CCDC để dùng phân xưởng	153	1.560.000	
31/10	18	31/10	Khấu hao TSCĐ	214	4.437.500	
			Lương CN gián tiếp sản xuất	334	42.300.000	
31/10	17	31/10	Các khoản trích theo lương Cn gián tiếp SX	338	152.000	
			Chi thuê ngoài gia công sửa chữa	111	23.500.000	
31/10	15	31/10	Chi tiền nước	112	4.100.000	
			
			Kết chuyển CPSXC SP bàn bát giát	154. bg		57.302.321
			Kết chuyển CPSXC SP bàn oval	154. oval		46.252.413
			Cộng phát sinh tháng		103.554.734	103.554.734
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.4. Tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Phương pháp tính giá thành: công ty sử dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành sản phẩm.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên TK dùng để tập hợp chi phí sản xuất là TK 154_ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Vì sản xuất theo đơn đặt hàng nên ở đầu kỳ cả 2 loại bàn bát giác và bàn Oval đều không có số dư. Quá trình tập hợp chi phí sản xuất cũng là quá trình đánh giá tổng quát hiệu quả sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Để tính được giá thành SP thì tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ như: CPNVLT, CPNCTT, CPSXC đều được kết chuyển sang TK 154.

Công ty TNHH GỖ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Phiếu Kết Chuyển
TK 155- Thành Phẩm

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 04

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Diễn Giải	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
KC4	31/10	Kết chuyển SP hoàn thành nhập kho	155. bg	154. bg	780.419.262,4
KC4	31/10	Kết chuyển SP hoàn thành nhập kho	155. oval	154. oval	629.926.902,6
...
		Cộng phát sinh tháng			1.410.346.165

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH GỖ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 20 (Ghi Nợ TK 154)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
KC1	31/10	Kết chuyển CP NVL bàn Bát giát	154. bg	621. bg	544.754.775
KC2	31/10	Kết chuyển CP NCTT bàn bát giát	154. bg	622. bg	178.362.166,4
KC3	31/10	Kết chuyển CP SXC bàn bát giát	154. bg	627. bg	57.302.321
KC1	31/10	Kết chuyển CP NVL bàn oval	154. oval	621. oval	439.706.840
KC2	31/10	Kết chuyển CP NCTT bàn oval	154. oval	622. oval	143.967.649,6
KC3	31/10	Kết chuyển CP SXC bàn oval	154. oval	627. oval	46.252.413
		Cộng số phát sinh tháng			1.410.346.165

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 21 (Ghi Có TK 154)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Diễn Giải	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
KC4	31/10	Kết chuyển SP hoàn thành nhập kho	155. bg	154. bg	780.419.262,4
KC4	31/10	Kết chuyển SP hoàn thành nhập kho	155. oval	154. oval	629.926.902,6
		Cộng phát sinh tháng			1.410.346.165

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Trích SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
10	31/10	984.461.615	11	31/10	984.461.615
12	31/10	322.329.816	13	31/10	322.329.816
14	31/10	16.089.729	17	31/10	42.452.000
15	31/10	31.830.000	19	31/10	103.554.734
16	31/10	8.745.505	20	31/10	1.410.346.165
18	31/10	4.437.500			
21	31/10	1.410.346.165			
...
Cộng phát sinh tháng:		2.746.410.330	Cộng phát sinh tháng:		2.746.410.330
Cộng lũy kế từ đầu tháng:		2.746.410.330	Cộng lũy kế từ đầu tháng:		2.746.410.330

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gổ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CÁI

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – Số hiệu TK 154

(ĐVT: Đồng)

NTGS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			0
31/10	20	31/10	Kết chuyển CP NVL bàn Bát giát	621. bg	544.754.775	
			Kết chuyển CP NCTT bàn bát giát	622. bg	178.362.166,4	
			Kết chuyển CP SXC bàn bát giát	627. bg	57.302.321	
			Kết chuyển CP NVL bàn oval	621. oval	439.706.840	
			Kết chuyển CP NCTT bàn oval	622. oval	143.967.649,6	
			Kết chuyển CP SXC bàn oval	627. oval	46.252.413	
31/10	21	31/10	Kết chuyển giá thành bàn bát giát nhập kho	155. bg		780.419.262,4
			Kết chuyển giá thành bàn oval nhập kho	155. oval		629.926.902,6
			Cộng số phát sinh tháng		1.410.346.165	1.410.346.165
			Số dư cuối tháng			0

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người ghi sổ*(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)*

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CHI TIẾT TK 154
TK 154 Bàn bát giát – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
(ĐVT: Đồng)

ST T	Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền	Ghi Nợ TK 154		
				621	622	627
	SDDK		<u>0</u>			
1	Kết chuyển CP NVLTT	621. bg	544.754.775	544.754.775		
2	Kết chuyển CP NCTT	622. bg	178.362.166,4		178.362.166,4	
3	Kết chuyển CP SXC	627. bg	57.302.321			57.302.321
	Cộng PS		780.419.262,4	544.754.775	178.362.166,4	57.302.321
4	Kết chuyển CK, Ghi Có TK 154. Bg	155. bg	780.419.262,4			
	SDCK		<u>0</u>			

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập bảng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CHI TIẾT TK 154
TK 154 Bàn oval – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

(ĐVT: Đồng)

STT	Diễn Giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền	Ghi Nợ TK 154		
				621	622	627
	SDDK		<u>0</u>			
1	Kết chuyển CP NVLTT	621. oval	439.706.840	439.706.840		
2	Kết chuyển CP NCTT	622. oval	143.967.649,6		143.967.649,6	
3	Kết chuyển CP SXC	627. oval	46.252.413			46.252.413
	Cộng PS		629.926.902,6	439.706.840	143.967.649,6	46.252.413
4	Kết chuyển CK, Ghi Có TK 154. Oval	155. oval	629.926.902,6			
	SDCK		<u>0</u>			

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập bảng*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Sau khi tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh cho từng SP, kế toán tiến hành tính giá thành SP. Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn sử dụng *phương pháp trực tiếp* để tính giá thành SP:

$$\text{Tổng giá thành Spi hoàn thành} = \text{Giá trị SPDD ĐK} + \text{Giá trị Sản phẩm phát sinh trong kỳ} - \text{Giá trị SPDD CK}$$

Tổng giá thành Spi hoàn thành

$$\text{Giá thành đơn vị Spi} = \frac{\text{Tổng giá thành Spi hoàn thành}}{\text{Khối lượng Spi hoàn thành}}$$

Vì công ty thực hiện bán theo phương pháp tính giá theo đơn đặt hàng nên không có giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ. Vì vậy giá trị dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng không.

Áp dụng công thức tính giá thành trên, kế toán tính được giá thành đơn vị từng loại như sau:

❖ **Bàn Bát Giát**

Tổng giá thành bàn bát giát hoàn thành: $544.754.775 + 178.362.166,4 + 57.302.321 = 780.419.262,4$

Giá thành đơn vị bàn bát giát: $(780.419.262,4 / 500) = 1.560.838,5$

❖ **Bàn oval**

Tổng Giá thành bàn oval hoàn thành: $439.706.840 + 143.967.649,6 + 46.252.413 = 629.926.902,6$

Giá thành đơn vị bàn oval: $(629.926.902,6/400) = 1.574.817,25$

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH**Sản phẩm: Bàn bát giát****Số lượng: 500 SP**

(ĐVT: Đồng)

TT	Khoản mục chi phí	CP SXDD ĐK	CPSXPS	CP SXDD CK	Tổng giá thành SP	Giá thành đơn vị
1	CP NVLTT	0	544.754.775	0	544.754.775	1.089.509,5
2	CP NCTT		178.362.166,4		178.362.166,4	356.724,4
3	CP SXC		57.302.321		57.302.321	114.604,6
	Tổng cộng	0	780.419.262,4	0	780.419.262,4	1.560.838,5

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH**Sản phẩm: Bàn oval****Số lượng: 400 SP**

(ĐVT: Đồng)

TT	Khoản mục chi phí	CP SXDD ĐK	CPSXPS	CP SXDD CK	Tổng giá thành SP	Giá thành đơn vị
1	C NVLTT	0	439.706.840	0	439.706.840	1.099.267,1
2	CPNCTT		143.967.649,6		143.967.649,6	359.919,12
3	CPSXC		46.252.413		46.252.413	115.631,03
	Tổng cộng	0	629.926.902,6	0	629.926.902,6	1.574.817,25

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN.

3.1. Một số nhận xét về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

3.1.1. Những ưu điểm

Trải qua 45 năm hình thành và phát triển, hệ thống kế toán Việt Nam, đặc biệt là hệ thống kế toán chi phí sản xuất đã từng bước hoàn thiện và thực hiện tốt cho yêu cầu của cơ chế quản lý kinh tế mới. Hệ thống tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán này đã đáp ứng được nhu cầu về thông tin cho quản lý ở một mức độ nhất định, đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép, phản ánh của kế toán cũng như công tác kiểm tra. Nó cũng thể hiện sự thích ứng với yêu cầu và đặc điểm của nền kinh tế thị trường, thể hiện được sự vận dụng có tính chọn lọc các chuẩn mực, nguyên tắc và thông lệ kế toán quốc tế vào Việt Nam.

Trải qua những năm xây dựng và trưởng thành Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn đã có những bước phát triển đáng kể. Công ty đã đứng vững và thích nghi với cơ chế thị trường trong giai đoạn hiện nay.

Sự phát triển của sản xuất nói chung, công tác kế toán nói riêng, tổ chức bộ máy và tổ chức công tác kế toán của công ty ngày càng được củng cố và hoàn thiện, nó thật sự trở thành công cụ đắc lực trong quản lý kinh tế và hạch toán kế toán tại công ty điều đó góp phần khẳng định chỗ đứng của công ty trong nền kinh tế thị trường.

Đạt được những thành tích kinh tế là do công ty đã biết sắp xếp tổ chức lại bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ, đơn giản nhưng vững mạnh, máy móc thiết bị được trang bị đầy đủ cho phân xưởng sản xuất. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao có tinh thần trách nhiệm và nghiệp vụ cao, nhiệt tình trong công tác quản lý kinh tế và hạch toán kế toán tại công ty. Các phòng ban và phân xưởng của công ty thấy được vai trò cần thiết là cánh tay phải đắc lực của công ty nên cũng tích cực trong việc chỉ đạo

điều hành một cách nhanh chóng, kịp thời, có hiệu quả, xác định hướng đi đúng đắn cho công ty.

Góp phần không nhỏ vào thành tích công ty đó là sự nỗ lực của phòng kế toán, đặc biệt là kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Qua thời gian tìm hiểu thực tế về hạch toán kế toán ở công ty, nhìn chung em thấy việc quản lý kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tương đối chặt chẽ biểu hiện qua hệ thống sổ sách khá đầy đủ, hoàn chỉnh về nề nếp. Phần hành kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được tổ chức chắc chắn mạch lạc. Công ty đã tổ chức tập hợp chi phí theo từng phân xưởng, chi tiết cho từng sản phẩm theo từng tháng. Các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất được xây dựng định mức chi phí khá hợp lý. Hơn nữa, công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý sản xuất và hạch toán, điều đó thể hiện trình độ quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, hạch toán các quá trình sản xuất là khoa học, tiên bộ phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Công ty tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Mỗi kế toán viên đều được trang bị 1 máy tính riêng để xử lý nghiệp vụ, các máy tính đều được nối mạng để việc chuyển số liệu giữa các phòng ban và các kế toán viên được thuận lợi và nhanh chóng.

Công ty có sử dụng phần mềm kế toán để việc nhập và xử lý số liệu dễ dàng và nhanh chóng. Việc sử dụng phần mềm kế toán nên sự chính xác của số liệu được nhập vào là rất cao, giúp cho nhân viên kế toán không mất nhiều thời gian và công sức trong việc nhập và tính toán số liệu.

3.1.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

Chi phí được phân loại theo từng khoản mục nên việc tập hợp chi phí để tính giá thành rất thuận lợi. Chi phí sản xuất được phân theo 3 khoản mục là: CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC. Các chi phí này được phân loại dễ dàng thông qua hệ thống chứng từ công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành đã được công ty tiến hành khá tốt và trở thành một quy trình ổn định, đáp ứng phần lớn các yêu cầu mà ban giám đốc công ty đề ra.

Công ty áp dụng việc tính giá thành theo phương pháp trực tiếp nên phương pháp này vừa tiện lợi, vừa nhanh gọn, phù hợp với doanh nghiệp sản xuất gỗ.

3.1.2. Những hạn chế

Tuy nhiên công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng ở công ty còn tồn tại một số vấn đề cần được nghiên cứu và tiếp tục hoàn thiện:

Về tổ chức bộ máy kế toán

Nhờ có sự hỗ trợ của hệ thống máy tính giúp công tác kế toán được thực hiện một cách nhanh chóng nhưng do quy mô sản xuất của công ty ngày càng lớn nên khối lượng công việc mà mỗi kế toán viên phải làm là khá lớn.

Hầu hết công tác kế toán được thực hiện trên máy tính nên đôi khi cũng gặp một số khó khăn như: Sự cố về điện ảnh hưởng đến máy tính và các máy móc thiết bị khác.

Hệ thống kế toán chi phí sản xuất còn thiếu sự linh hoạt

Hệ thống kế toán chi phí sản xuất nước ta hiện nay là hệ thống kế toán chi phí thực tế. Trong kỳ kế toán luôn ghi nhận các chi phí thực tế phát sinh để tập hợp chi phí sản xuất. Việc làm này là chính xác nhưng không phải lúc nào cũng thuận tiện vì đến cuối kỳ kế toán mới tính được giá thành sản phẩm. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp thì hầu như có thể tính ngay được dựa trên các chứng từ nội bộ cung cấp như phiếu yêu cầu nguyên vật liệu, lệnh sản xuất, phiếu thời gian. Còn đối với chi phí sản xuất chung thì cuối kỳ mới xác định được vì do phụ thuộc vào chứng từ bên ngoài như hóa đơn tiền điện, nước..., các hóa đơn này cuối kỳ các nhà cung cấp mới tính và báo cho doanh nghiệp hoặc có thể đầu kỳ sau mới báo cho doanh nghiệp vì vậy chi phí này được tập hợp không chính xác. Nhưng sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất hoàn thành nhập kho, tiêu thụ xen kẽ liên tục, nên doanh nghiệp rất cần thông tin chi phí sản phẩm để tính giá thành, làm cơ sở để xác định giá bán. Thông tin này rất quan trọng, có nó doanh nghiệp có khả năng định giá và xác định chiến lược cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài khó khăn trong việc lấy thông tin về chi phí sản xuất chung kịp thời, phương pháp hạch toán hàng tồn kho trong hệ thống kế toán nước ta cũng ảnh hưởng đến tính thời điểm ảnh hưởng đến phương pháp hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá

thành sản phẩm. Đối với phương pháp kê khai thường xuyên thì việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thì mọi biến động tăng và giảm chi phí đều phải hạch toán kịp thời, thường xuyên chứ không đợi đến cuối kỳ. Theo chế độ kế toán hiện hành tài khoản 154 “chi phí sản xuất sản phẩm dở dang” hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên nhưng chỉ khi đến cuối kỳ mới được phép tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm và tính giá thành thành phẩm nhập kho điều này không phù hợp với nội dung của phương pháp kế toán.

Về chứng từ sổ sách kế toán

Công tác tổ chức chứng từ sổ sách kế toán đòi hỏi nhân viên kế toán phải có kỹ năng kế toán, vi tính và tính toán cẩn thận. Nên việc tuyển chọn nhân viên kế toán tốn nhiều thời gian.

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Công ty áp dụng tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên không phản ánh chính xác giá trị NVL tại thời điểm xuất. Trong khi đó giá NVL gỗ trên thị trường thường xuyên biến động. Nếu trong kỳ tính giá thành mà giá của NVL gỗ trên thị trường giảm thì làm cho CPNVLTT thực tế của công ty tăng lên so với các đối thủ cạnh tranh dẫn đến giá thành sản phẩm của công ty cao hơn. Vì vậy sẽ khó cạnh tranh so với công ty khác trên thị trường.

Chi phí tiền lương lao động của công nhân trực tiếp sản xuất theo phương pháp khoán sản phẩm sẽ không tận dụng triệt để vấn đề về tiết kiệm chi phí của tất cả các nhân viên trong công ty. Bởi vì, theo cách tính lương hiện tại của công ty là dựa vào định mức tiền lương cho khối lượng hoàn thành nên công nhân sẽ không quan tâm đến việc vận dụng tối đa NVL để tiết kiệm chi phí mà họ chỉ quan tâm đến việc tạo ra nhiều sản phẩm càng tốt. Do vậy CPNVLTT dễ bị sử dụng một cách lãng phí.

Hệ thống tài khoản chi phí sản xuất chưa có tính thống nhất cao và toàn diện.

Nguyên nhân chủ yếu là những hướng dẫn chủ yếu về nội dung và phương pháp vận dụng chưa thật sự cụ thể, chưa thật sự gắn liền với đặc điểm của các đơn vị sản xuất kinh doanh có quy mô và đặc điểm khác nhau. Việc hướng dẫn chưa được thống nhất còn nhiều điểm chưa chính xác, mâu thuẫn với nhau nên việc vận dụng vào thực tế còn gặp

nhiều khó khăn và thiếu thống nhất giữa các doanh nghiệp. Cụ thể đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, toàn bộ các chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất từ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và đến cả chi phí sản xuất chung đều được tập hợp vào tài khoản chi phí sản xuất. Điều này gây khó khăn cho kế toán trong việc phân biệt chi phí và thu thập thông tin chi phí từng loại.

Đặc biệt, tài khoản 621 “chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” dùng để phản ánh toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được sử dụng trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ trong kỳ. Như vậy đến cuối kỳ, việc xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là rất khó khăn, vì nguyên vật liệu chính là đối tượng chế biến còn vật liệu khác là chi phí chế biến. Do đó, khi tính giá trị sản phẩm dở dang kế toán bắt buộc phải tách giá trị vật liệu chính ra khỏi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm là chỉ tiêu phản ánh chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Qua thực tế trong Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn ta thấy: Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng do sự cố gắng trong việc tổ chức và quản lý chi phí sản xuất công ty đã đạt những kết quả đáng khích lệ, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, tình hình tài chính được cải thiện.

Qua thời gian nghiên cứu thực tập tại công ty, được sự giúp đỡ của cán bộ, nhân viên của công ty, đặc biệt là tập thể nhân viên phòng kế toán của công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác kế toán tại công ty. Qua đó em xin có một số giải pháp như sau:

3.2.1. Xây dựng mô hình kế toán quản trị

Mục đích cơ bản của kế toán quản trị là cung cấp thông tin một cách chi tiết về tình hình sản xuất kinh doanh cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, các nhà quản lý có thể đưa ra các quyết định phù hợp. Kế toán quản trị nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin chi tiết theo từng khoản mục chi phí, từng loại sản phẩm để từ đó có thể quyết định các phương án sản xuất hợp lý nhằm quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Để thực hiện quản lý tốt giá thành và chi phí sản phẩm, công ty nên xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Đây là công việc còn tương đối mới mẻ nhưng rất có ý nghĩa về cả mặt lý luận cũng như thực tiễn. Việc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cần đảm bảo các nguyên tắc cơ bản dưới đây:

- Đảm bảo sự phù hợp của mô hình kế toán quản trị với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.
- Đáp ứng yêu cầu quản lý cụ thể theo từng chỉ tiêu quản trị doanh nghiệp.
- Mô hình kế toán quản trị phải đảm bảo tính khả thi và tiết kiệm.

Để đáp ứng các nguyên tắc trên, xây dựng mô hình kế toán quản trị phải đảm bảo các công việc dưới đây:

- Phân chia toàn bộ chi phí sản xuất thành chi phí khả biến và chi phí bất biến.
- Lựa chọn phương pháp xác định chi phí và phân bổ chi phí một cách hợp lý.
- Xây dựng định mức chi phí phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh và tính chất của sản phẩm.
- Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán và sổ chi tiết kế toán để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin.

3.2.2. Về sổ sách và công tác luân chuyển chứng từ, sổ sách

Hoàn thiện hệ thống chứng từ, lập và luân chuyển chứng từ, cụ thể: Trên các phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho cần ghi rõ vật tư được nhập- xuất tại kho nào, mục đích sử dụng. Ghi rõ kho nhập- xuất vật tư góp phần nâng cao hiệu quả quản lý vật tư, tránh nhầm lẫn, thuận lợi cho việc đối chiếu, kiểm tra.

Chứng từ phải được lưu đúng bộ phận phân hành quản lý để thuận lợi trong khi đối chiếu và kiểm tra.

Ngoài ra ta thấy biểu mẫu Chứng từ ghi sổ hiện tại mà công ty áp dụng là Ghi theo TK đối ứng, điều này chưa phù hợp lắm. Do đó, biểu mẫu CTGS nên được sửa lại là ghi theo loại chứng từ và một loại chứng từ phải được theo dõi trên một Chứng từ ghi sổ. Ví dụ như: Chứng từ ghi sổ theo Phiếu Xuất kho, Phiếu Nhập kho, Phiếu Chi, Phiếu Kết

chuyển, BTTL, Bảng Phân bổ lương và các khoản trích theo lương, theo Hóa đơn mua hàng, bảng Khấu hao,...

Sau đây là một số mẫu CTGS để lên sổ cái TK 621 và cứ một CTGS thì ghi theo loại chứng từ:

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 10

(Ghi theo Phiếu Xuất kho)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
02/10	PX10/01	Xuất NVL để SX Bàn.BG	621. bg	152	532.500.000
02/10	PX10/01	Xuất NVL để SX Bàn oval	621. oval	152	426.000.000
20/10	PX10/03	Xuất NVL để SX Bàn BG	621. bg	152	12.254.775
20/10	PX10/03	Xuất NVL để SX bàn oval	621. oval	152	13.706.840
...
		Cộng PS			984.461.615

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 11
(Ghi theo TK Phiếu Kết chuyển CPNVLT)

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
31/10	PKC01	Kết chuyển CPNVLT bàn BG	154.bg	621	544.754.775
31/10	PKC01	Kết chuyển CPNVLT bàn oval	154. oval	621	439.706.840
...
		Cộng PS			984.461.615

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

⇒ Tương tự, ta cũng có thể sửa lại như trên đối với các sổ CTGS còn lại để lên sổ cái TK 622, 627,...

Khi chứng từ không do công ty lập (các nghiệp vụ mua ngoài) chỉ nên nhận chứng từ gốc, không nhận bản photo.

3.2.3. Tổ chức bộ máy kế toán và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

➤ Tổ chức bộ máy kế toán

Là một doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, có các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh, khối lượng công việc kế toán thường xuyên vì vậy công ty nên bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê cho đội ngũ nhân viên kế toán để họ học tập, trao đổi kiến thức nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ kế toán theo chế độ hiện hành.

Kế toán phân xưởng tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm rất quan trọng trong công tác kế toán của công ty vì chính từ đây các thông tin kinh tế được phản ánh. Vì vậy kế toán phân xưởng cần tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác tạo điều kiện cho ban lãnh đạo ra quyết định kịp thời, đúng đắn.

Song song với củng cố bộ máy kế toán, công ty cũng cần xem lại công tác quản lý để đảm bảo được chất lượng hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo cho công ty hoạt động hiệu quả.

➤ **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán**

Công ty thực hiện áp dụng công nghệ tin học vào công tác kế toán. Tuy nhiên, một số phần mềm khi đưa vào ứng dụng vẫn bộc lộ một số hạn chế, trực tiếp gây cản trở cho kế toán trong việc xử lý cá các nghiệp vụ nói chung và cho công tác tập CPSX nói riêng. Thực tế đó đặt ra yêu cầu cho công ty là cần nguyên cứu để hoàn thiện hơn nữa các chương trình tin học, đáp ứng cho hoạt động của mình. Để đạt được điều điều đó thì công ty cần:

- Ưu tiên đầy đủ kinh phí cho công tác hiện đại hóa công nghệ một cách hiệu quả trên cả phương diện ứng dụng công nghệ và trang thiết bị. Công tác ứng dụng công nghệ phải phù hợp với hoạt động của công ty.
- Tiến hành sửa đổi và ban hành quy chế, quy định xử lý nghiệp vụ kế toán và các văn bản có liên quan đến công tác kế toán cho phù hợp với công nghệ mới nhằm tạo ra cơ sở cho việc ứng dụng các công nghệ hiện đại.
- Đồng thời công ty cần thường xuyên kiểm tra và củng cố hệ thống mạng, hệ thống máy tính của công ty. Các nhân viên kế toán cần thường xuyên kiểm tra phần mềm kế toán trên máy vi tính có bị trực trực gì hay không, cũng như thường xuyên truy cập mạng để tìm hiểu về sự thay đổi mỗi ngày của các phần mềm kế toán như phần mềm hỗ trợ kê khai thuế,.. . Còn riêng với phần mềm MISA phải luôn được đảm bảo an toàn về kỹ thuật cũng như số liệu, tránh sự xâm nhập bên ngoài của những cá nhân không phận sự để bảo mật về số liệu của công ty. Công ty chỉ cần lưu trữ những chứng từ, sổ sách cần thiết. Việc cất giữ, lưu trữ, bảo quản sổ sách chức từ phải nghiêm túc và cẩn thận.

3.2.4. Xây dựng hệ thống kế toán chi phí sản xuất linh hoạt

Để cung cấp kịp thời, nhanh chóng các thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, thì ngoài hệ thống chi phí thực tế đang áp dụng, cần bổ sung thêm hệ thống kế toán chi phí thông dụng và hệ thống chi phí kế toán định mức. Việc sử dụng linh

hoạt 3 hệ thống kế toán này sẽ giúp cho doanh nghiệp ra quyết định kinh doanh kịp thời, đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh và cạnh tranh trên thị trường.

Tính chất linh hoạt cả 3 hệ thống này như sau:

- Hệ thống kế toán chi phí thực tế luôn chính xác và phù hợp cho bất kỳ doanh nghiệp nào muốn tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm vào cuối kỳ.
- Hệ thống kế toán chi phí thông dụng giúp cho doanh nghiệp có thông tin nhanh chóng về giá thành sản phẩm ở bất kỳ thời điểm nào nhờ việc sử dụng phương pháp ước tính để tính chi phí sản xuất, đến cuối kỳ kế toán tập hợp đầy đủ chi phí thực tế và điều chỉnh lại giá thành sao cho đúng.
- Hệ thống kế toán chi phí định mức phù hợp với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất ổn định, có định mức kỹ thuật tiên tiến chính xác và có nguồn cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên ít biến động. Thông tin giá thành định mức giúp phát hiện nhanh sự thay đổi về định mức, các khoản chênh lệch so với định mức, đánh giá năng lực sản xuất của doanh nghiệp, từ đó các nhà quản lý có cơ sở xác định đúng nguyên nhân để giải quyết kịp thời. Đến cuối kỳ, kế toán xử lý các khoản biến động chi phí thực tế so với định mức để tính đúng và tính đủ vào giá thành sản phẩm.

3.2.5. Hoàn thiện hệ thống tài khoản chi phí sản xuất

Hệ thống tài khoản chi phí sản xuất phải có tính thống nhất cao và bao quát toàn diện đối với các loại hình doanh nghiệp.

Đặc biệt để khắc phục nhược điểm của tài khoản 621 “chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” có 2 phương án sau đây:

- Một là: mở thêm tài khoản cấp 2 của TK 621. Theo phương án này TK 621 có 2 tài khoản cấp 2 là TK 6211 “chi phí nguyên vật liệu chính”, TK 6212 “chi phí vật liệu khác”

Như vậy: khi áp dụng phương án này, kế toán sẽ không mất thời gian vào việc tách đối tượng chế biến (chi phí nguyên vật liệu chính) và chi phí chế biến (chi phí vật liệu khác) ra khỏi tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Từ đó xác định giá thành sản phẩm kịp thời nhanh chóng.

Như vậy, để khắc phục nhược điểm này ta thực hiện như sau:

Giải pháp này được tiến hành như sau: TK 621 có 2 tài khoản cấp 2 là TK 6211 “chi phí nguyên vật liệu chính”, TK 6212 “chi phí vật liệu khác”. Sử dụng tài khoản cấp 2 này trong quá trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ví dụ như:

+ Khi xuất kho nguyên liệu chính cho sản xuất Bàn Bát giát (Oval), kế toán ghi:

Nợ TK 6211

Có TK 1521

+ Khi xuất kho nhiên liệu cho sản xuất Bàn Bát giát (Oval), kế toán ghi:

Nợ TK 6212

Có TK 1522

Kết quả mà giải pháp đem lại:

Việc mở thêm tài khoản cấp 2 cho TK 621 để theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp giúp công ty chi tiết hóa hệ thống tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621) cho phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Trong quá trình ghi chép (hạch toán) và tính giá thành sản phẩm được xác định rõ ràng, nhanh chóng và chuẩn xác. Cụ thể như sau:

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công nghiệp Phú Tài – Bình Định

Sổ Chi Phí Sản Xuất Kinh Doanh
TK 621 Bàn bát giát – Chi phí NVL TT

(ĐVT: Đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ TK 621		
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra	
						VLC	VLP
02/10	PX10/01	02/10	Xuất kho gỗ xẻ chò cho phân xưởng SX	1521	532.500.000	532.500.000	
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho keo 502 để SX SP	1522	965.775		965.775
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho giấy nhám để chà SP	1522	1.035.024		1.035.024
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho băng keo để SX SP	1522	962.326		962.326
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho bản lề để dùng cho SP	1522	721.450		721.450
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho xăng để dùng cho SP	1522	1.955.000		1.955.000
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho vải lau để lau SP	1522	80.975		80.975
...
			Cộng PS		544.754.775	532.500.000	12.254.775
			Kết chuyển CK, ghi Có TK 621	154. bg	544.754.775	532.500.000	12.254.775

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập bảng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

Sổ Chi Phí Sản Xuất Kinh Doanh
TK 621 Bàn oval – Chi phí NVL TT

(ĐVT: Đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 621		
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra	
						VLC	VLP
02/10	PX10/01	02/10	Xuất kho gỗ xẻ chò cho phân xưởng SX	1521	426.000.000	426.000.000	
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho keo 502 để SX SP	1522	897.975		897.975
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho giấy nhám để chà SP	1522	1.698.626		1.698.626
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho dây đóng kiện	1522	1.428.125		1.428.125
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho dầu diezen để dùng cho SP	1522	2.790.200		2.790.200
20/10	PX10/03	20/10	Xuất kho xăng để dùng cho SP	1522	3.220.000		3.220.000
...
			Cộng PS		439.706.840	426.000.000	13.706.840
			Kết chuyển CK, Ghi Có TK 621	154. oval	439.706.840	426.000.000	13.706.840

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tương tự với các chứng từ ghi sổ cũng như sổ cái (TK 621) cũng vậy. Ví dụ như:

Công ty TNHH Gổ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 10

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Nội dung trích yếu	Số hiệu Tài khoản		Số tiền
NT	SH		Nợ	Có	
02/10	PX10/01	Xuất NVL chính để SX Bàn.BG	621. bg	1521	532.500.000
02/10	PX10/01	Xuất NVL chính để SX Bàn oval	621. oval	1521	426.000.000
20/10	PX10/03	Xuất NVL phụ để SX Bàn BG	621. bg	1522	12.254.775
20/10	PX10/03	Xuất NVL phụ để SX bàn oval	621. oval	1522	13.706.840
...
Cộng PS					984.461.615

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Công ty TNHH Gổ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CÁI

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp – Số hiệu TK 621 (ĐVT: Đồng)

NT GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
31/10	10	31/10	Xuất NVL chính để SX Bàn.BG	1521	532.500.000	
			Xuất NVL chính để SX Bàn oval	1521	426.000.000	
			Xuất NVL phụ để SX Bàn BG	1522	12.254.775	
			Xuất NVL phụ để SX bàn oval	1522	13.706.840	
31/10	11	31/10	Kết chuyển CPNVLTT bàn bát giát	154. bg		544.754.775
			Kết chuyển CPNVLTT bàn oval	154. oval		439.706.840
			Cộng số phát sinh tháng		984.461.615	984.461.615
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Tương tự, ta lên sổ chi tiết TK 154, CTGS TK 154 và lập bảng tính giá thành SP như sau:

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn

Khu Công nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CHI TIẾT TK 154

TK 154 Bàn bát giát – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

(ĐVT: Đồng)

STT	Diễn giải	TK ĐƯ'	Tổng số tiền	Ghi Nợ TK 154			
				621. vlc	621. vlp	622	627
	SĐĐK		0				
1	Kết chuyển CP NVLTT	621. bg	544.754.775	532.500.000	12.254.775		
2	Kết chuyển CP NCTT	622. bg	178.362.166,4			178.362.166,4	
3	Kết chuyển CP SXC	627. bg	57.302.321				57.302.321
	Cộng PS		780.419.262,4	532.500.000	12.254.775	178.362.166,4	57.302.321
4	Kết chuyển CK, Ghi Có TK 154. Bg	155. bg	780.419.262,4				
	SĐCK		0				

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập bảng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

SỔ CHI TIẾT TK 154
TK 154 Bàn oval – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

(ĐVT: Đồng)

STT	Diễn Giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền	Ghi Nợ TK 154			
				621. vlc	621. vlp	622	627
	SDDK		<u>0</u>				
1	Kết chuyển CP NVLTT	621. oval	439.706.840	426.000.000	13.706.840		
2	Kết chuyển CP NCTT	622. oval	143.967.649,6			143.967.649,6	
3	Kết chuyển CP SXC	627. oval	46.252.413				46.252.413
	Cộng PS		629.926.902,6	439.706.840	13.706.840	143.967.649,6	46.252.413
4	Kết chuyển CK, Ghi Có TK 154. Oval	155. oval	629.926.902,6				
	SDCK		<u>0</u>				

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn
 Khu Công Nghiệp Phú Tài – Bình Định

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 10 năm 2015 Số 20 (Ghi Nợ TK 154)
 (ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
KC1	31/10	Kết chuyển CP NVL chính bàn Bát giát	154. bg	621. bg	532.500.000
KC1	31/10	Kết chuyển CP NVL phụ bàn Bát giát	154. bg	621. bg	12.254.775
KC2	31/10	Kết chuyển CP NCTT bàn bát giát	154. bg	622. bg	178.362.166,4
KC3	31/10	Kết chuyển CP SXC bàn bát giát	154. bg	627. bg	57.302.321
KC1	31/10	Kết chuyển CP NVL bàn oval	154. oval	621. oval	426.000.000
KC1	31/10	Kết chuyển CP NVL phụ bàn oval	154. oval	621. oval	13.706.840
KC2	31/10	Kết chuyển CP NCTT bàn oval	154. oval	622. oval	143.967.649,6
KC3	31/10	Kết chuyển CP SXC bàn oval	154. oval	627. oval	46.252.413
		Cộng số phát sinh tháng			1.410.346.165

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH**Sản phẩm: Bàn bát giát****Số lượng: 500 SP**

(ĐVT: Đồng)

TT	Khoản mục chi phí	CP SXDD ĐK	CPSXPS	CP SXDD CK	Tổng giá thành SP	Giá thành đơn vị
1	CP NVLTT	0	544.754.775	0	544.754.775	1.089.509,5
	• VLC		532.500.000		532.500.000	1.065.000
	• VLP		12.254.775		12.254.775	24.509,5
2	CP NCTT		178.362.166,4		178.362.166,4	356.724,4
3	CP SXC		57.302.321		57.302.321	114.604,6
	Tổng cộng	0	780.419.262,4	0	780.419.262,4	1.560.838,5

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH**Sản phẩm: Bàn oval****Số lượng: 400 SP**

(ĐVT: Đồng)

TT	Khoản mục chi phí	CP SXDD ĐK	CPSXPS	CP SXDD CK	Tổng giá thành SP	Giá thành đơn vị
1	C NVLTT	0	439.706.840	0	439.706.840	1.099.267,1
	• VLC		426.000.000		426.000.000	1.065.000
	• VLP		13.706.840		13.706.840	34.267,1
2	CPNCTT		143.967.649,6		143.967.649,6	359.919,12
3	CPSXC		46.252.413		46.252.413	115.631,03
	Tổng cộng	0	629.926.902,6	0	629.926.902,6	1.574.817,25

- Hai là: thay đổi nội dung phản ánh của tài khoản 621

- Theo phương án này, TK 621 chỉ phản ánh giá trị nguyên vật liệu chính trực tiếp tiêu hao liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm mà không bao gồm các vật liệu khác. Giá trị vật liệu khác sẽ được tập hợp vào chi phí sản xuất chung, cuối kỳ sẽ phân bổ vào các đối tượng tính giá có liên quan. Vì trên thực tế giá trị vật liệu khác tiêu hao có liên quan trực tiếp đến sản xuất chế tạo sản phẩm thường không đáng kể, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Ngoài ra để hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán chi phí sản xuất cần phân loại chi phí ngay trong quá trình hạch toán. Theo chế độ hiện hành, toàn bộ chi phí kinh doanh (gồm cả định phí và biến phí) được tập hợp theo từng đối tượng liên quan, không được phân loại ngay từ khi phát sinh. Vì vậy để tính điểm hòa vốn, phân tích kinh doanh kế toán cần phân loại lại chi phí. Như vậy mất rất nhiều thời gian và công sức. Do đó kế toán cần phân loại từng khoản chi phí thành bất biến và khả biến ngay từ khi phát sinh. Từ đó giúp cho hệ thống tài khoản có hướng hoàn thiện hơn.

3.2.6. Về đối tượng tập hợp chi phí

Có thể thấy rằng đối tượng tập hợp chi phí ở công ty là chưa thống nhất. Như đã đề cập ở trong chương 2, tại công ty đối tượng tập hợp chi phí là theo từng giai đoạn của qui trình sản xuất công nghệ. Tuy nhiên, việc tập hợp chi phí này đôi lúc bị nhầm lẫn là theo từng phân xưởng. Điều này thấy rõ ở các khoản mục chi phí sản xuất chung như: chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, ... Điều này ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm của công ty bị thay đổi. Do đó, cần thống nhất về đối tượng tập hợp chi phí ở công ty mới đáp ứng được yêu cầu quản lý sản xuất, giúp cho việc tổ chức tốt nhất công tác tập hợp chi phí sản xuất.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Giá trị phế liệu thu hồi và giá trị vật tư xuất dùng không hết cuối kỳ thì ghi giảm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo công thức:

$$CPNVL_{sx} = NVL_{xk} - NVL_t$$

Trong đó: $CPNVL_{sx}$ là chi phí nguyên vật liệu dùng cho sản xuất trong kỳ

NVL_{xk} là giá trị nguyên liệu xuất kho trong kỳ

NVL_t là giá trị nguyên vật liệu dùng không hết nhập kho hoặc phế liệu thu hồi

Căn cứ vào phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ hoặc qua kiểm kê để tiến hành điều chỉnh $CPNVL_{TT}$ trong kỳ bằng bút toán:

Nợ TK 152: NVL dùng không hết nhập kho hoặc phế liệu thu hồi

Có TK 621: $CPNVL_{TT}$

Để giảm thiểu sự thất thoát nguyên vật liệu, cần kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình xuất kho, vận chuyển cũng như sản xuất; đồng thời khuyến khích tinh thần trách nhiệm, thi đua tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu đối với công nhân viên.

NVL chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, tổ chức tốt việc thực hiện tiết kiệm chi phí NVL là cơ sở quan trọng cho việc tiết kiệm CPSX và hạ giá thành sản phẩm.

Công ty nên mở sổ chi tiết cho từng loại vật liệu để thuận tiện cho việc theo dõi về số lượng, tồn kho và nhập trong kỳ. Sổ chi tiết vật tư được mở để theo dõi các loại vật tư xuất kho đối ứng “Có TK 152, Nợ TK khác”, mỗi loại vật tư được ghi một dòng và số chứng từ xuất vật tư theo từng sản phẩm. Việc hạch toán như vậy sẽ giúp cho công ty giảm nhẹ khối lượng công việc tính toán trong kỳ.

Đối với chi phí nhân công trực tiếp

Nhân công chiếm tỷ trọng chủ yếu, phần lớn trong tổng số công nhân viên của công ty. Để hoạt động sản xuất được diễn ra một cách bình thường, không có biến động lớn về CPSX, công ty có thể trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân sản xuất trực tiếp.

Mức trích tiền lương nghỉ phép = Tỷ lệ trích trước * Tổng tiền lương chính của công nhân sản xuất.

Trong đó, tỷ lệ trích trước được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ trích trước} = \frac{\text{Tổng tiền lương nghỉ phép KH năm của CN sản xuất}}{\text{Tổng tiền lương chính KH năm của CN sản xuất}}$$

Đối với chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung cũng chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng giá thành, và trong khoản mục chi phí lớn trong chi phí SXC thì cần chú ý đến một khoản mục đó là chi phí khấu hao TSCĐ, là một khoản chi phí lớn trong chi phí SXC, để tính giá thành đúng thì chi phí khấu hao này cũng cần phải được phân bổ theo dõi một cách chặt chẽ.

Nếu như thông thường công ty sử dụng phương pháp tính khấu hao TSCĐ theo tháng thì việc tính giá thành sản phẩm chưa thật sự chính xác khi tính giá thành sản phẩm theo từng tháng, nên việc tính khấu hao TSCĐ theo em thì công ty nên chuyển sang tính khấu hao TSCĐ theo ngày và phải tuân theo nguyên tắc tính khấu hao tròn ngày. Việc tính khấu hao TSCĐ theo nguyên tắc tính khấu hao tròn ngày sẽ giúp cho việc tính giá thành sản phẩm được chính xác hơn theo từng ngày sử dụng TSCĐ đó.

- Đối với chi phí khấu hao TSCĐ

Công ty cần áp dụng các phương pháp trích khấu hao phù hợp cho từng loại tài sản cố định sao cho hợp lý hơn. Nếu có thể thì nên tăng thời gian khấu hao cố định theo quy định cho phép, vì như thế sẽ giảm chi phí khấu hao hàng tháng, dẫn đến chi phí khấu hao phân bổ cho sản xuất sản phẩm sẽ giảm. Việc này có thể góp phần làm giảm giá thành sản phẩm.

Đồng thời, công ty cũng nên tiến hành thanh lý, nhượng bán những TSCĐ đã hết thời hạn khấu hao từ nhiều kỳ để đầu tư, mua sắm tài sản, trang thiết bị mới phục vụ cho xuất và quản lý được tốt hơn.

- Đối với chi phí sửa chữa lớn, chi phí trích trước:

Để giá thành phản ánh đúng thực tế chi phí phát sinh công ty nên đưa khoản giảm trừ này vào trong chi phí giá thành theo chi phí thực tế phát sinh

Để giảm bớt chi phí sửa chữa lớn, công ty nên có một chế độ ưu đãi với những người thợ bậc cao đang vận hành và sửa chữa những cỗ máy đã trải qua nhiều năm lịch sử. Đồng thời nâng cao tay nghề cho những công nhân yếu kém để họ sử dụng và bảo quản thiết bị tốt hơn. Hơn nữa cần phải hạch toán đúng và đầy đủ chi phí sửa chữa lớn cho từng công trình để phản ánh chính xác giá thành.

KẾT LUẬN



Nền kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều trở ngại, khó khăn và đã đạt được rất nhiều thành tựu vẻ vang trong những năm qua. Đặc biệt là sự kiện Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO đã đánh dấu một bước ngoặt lớn của nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế toàn cầu nói chung. Trải qua những khó khăn và thử thách đó Công ty TNHH Gõ Hoàng Anh Quy Nhơn đã đạt được những thành công đáng khích lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đang đi vào quỹ đạo vận hành của nền kinh tế thị trường. Sản phẩm của công ty đang từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường nội địa cũng như thị trường khu vực và thế giới. Để có được những thành công như vậy công ty đã không ngừng đổi mới, áp dụng sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp cho người lao động. Sự phát triển của công ty đã góp phần vào sự phát triển chung của toàn ngành và đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu tình hình hạch toán kế toán tại công ty đã giúp em trang bị cho mình nhiều kinh nghiệm quý báu, hiểu rõ hơn những gì đã học cũng như nhận biết sự khác biệt giữa thực tế và những kiến thức đã học. Tuy nhiên, với kiến thức và khả năng còn hạn chế, lần đầu tiên tiếp xúc với thực tế cũng như thời gian thực tập tại công ty tương đối ngắn nên không tránh khỏi những sai sót, kính mong được sự đóng góp ý kiến, giúp đỡ của thầy cô cùng quý công ty để đề tài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô *Ths. Lê Nữ Như Ngọc* đã trực tiếp hướng dẫn cũng như sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo công ty, phòng kế toán – tài vụ của công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài Khóa luận Tốt nghiệp này. Em xin chân thành cảm ơn !

Quy Nhơn, ngày 30 tháng 05 năm 2016

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Hồng Thắm

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG BIỂU

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất của ngành sản xuất công nghiệp.....	3
1.2. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất.....	3
1.2.1. Khái niệm chi phí sản xuất	3
1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất.....	4
1.3. Ý nghĩa của công tác quản lý chi phí sản xuất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	5
1.4. Giá thành sản phẩm, phân loại giá thành sản phẩm	6
1.4.1. Khái niệm giá thành sản phẩm.....	6
1.4.2. Phân loại giá thành sản phẩm.	6
1.4.2.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành	6
1.4.2.2. Phân loại giá thành theo phạm vi tính toán.	7
1.4.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	7
1.5. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	7
1.5.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....	7
1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm	8
1.6. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	8
1.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất	9
1.7.1. Tài khoản kế toán sử dụng chủ yếu	9
1.7.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất	15
1.8. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang chế tạo dở dang.....	16
1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp.....	16
1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.....	17
1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức	17
1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.....	16

1.8.5. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp	16
.....	
1.9. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm và ứng dụng trong các loại hình DN chủ yếu	19
1.9.1. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm	19
<i>1.9.1.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn</i>	19
<i>1.9.1.2. Phương pháp hệ số</i>	20
<i>1.9.1.3. Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ</i>	20
<i>1.9.1.4. Phương pháp tính loại trừ chi phí</i>	21
<i>1.9.1.5. Phương pháp cộng chi phí</i>	21
<i>1.9.1.6. Phương pháp tính giá thành liên hợp</i>	21
<i>1.9.1.7. Phương pháp tính giá thành theo định mức</i>	21
1.9.2. Ứng dụng các phương pháp tính giá thành trong các loại hình doanh nghiệp chủ yếu	21
<i>1.9.2.1. Doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu song song</i>	21
<i>1.9.2.2. Doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục</i>	22
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN	23
2.1. Khái quát chung của Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn	23
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn	23
<i>2.1.1.1. Tên và địa chỉ công ty</i>	23
<i>2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty</i>	24
<i>2.1.1.4. Kết quả kinh doanh, đóng góp vào ngân sách nhà nước qua các năm của công ty</i>	25
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.	26
.....	
<i>2.1.2.1. Chức năng</i>	26
<i>2.1.2.2. Nhiệm vụ</i>	22

2.1.3. Công tác tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất và tổ chức bộ máy kế toán của công ty	28
2.1.3.1. Các mặt hàng sản xuất hiện nay của công ty	28
2.1.3.2. Quy trình công nghệ sản xuất của mặt hàng chủ yếu	29
2.1.3.3. Công tác tổ chức bộ máy quản lý của công ty	31
2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành của công ty..	36
2.2.2. Phân loại chi phí sản xuất và phương pháp kế toán chi phí và giá thành.	36
2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất.	37
2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	37
2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	45
2.2.3.3. Kế toán chi phí sản xuất chung	51
2.2.4. Tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH gỗ HAQN	59
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH GỖ HOÀNG ANH QUY NHƠN.	66
3.1. Một số nhận xét về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty	66
3.1.1. Những ưu điểm	66
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán	67
3.1.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm	67
3.1.2. Những hạn chế	68
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Gỗ Hoàng Anh Quy Nhơn.	70
3.2.1. Xây dựng mô hình kế toán quản trị	70
3.2.3. Tổ chức bộ máy kế toán và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.	73
3.2.4. Xây dựng hệ thống kế toán chi phí sản xuất linh hoạt	74
3.2.5. Hoàn thiện hệ thống tài khoản chi phí sản xuất	75
3.2.6. Về đối tượng tập hợp chi phí	84
KẾT LUẬN	87
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính 2014, Thông tư 200/2014 – TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC.
2. PGS. TS. Nguyễn Văn Công, (2004), *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. GS. TS. Trần Thị Loan, (2011), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội.
4. TS. Trần Thị Cẩm Thanh (2014), *Giáo trình tổ chức hạch toán kế toán*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính, (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn lập chứng từ kế toán, hướng dẫn ghi sổ kế toán*, Nhà xuất bản Thống kê.
6. Số liệu của Công ty TNHH Gõ Hoàng Anh Quy Nhơn.
7. Website: <http://www.webketoan.com>